

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**Thời lượng: 05 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Yêu cầu cần đạt**

Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

Giải thích được vai trò của tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.

Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững.

Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở tăng trưởng, phát triển kinh tế.

2. Năng lực**Năng lực đặc thù môn Giáo dục kinh tế và pháp luật**

Năng lực điều chỉnh hành vi: nhận biết, đánh giá và điều chỉnh hành vi tiêu dùng, học tập, sử dụng nguồn lực, bảo vệ môi trường; ủng hộ hành vi tích cực và phê phán hành vi cản trở tăng trưởng, phát triển kinh tế.

Năng lực phát triển bản thân: xác định trách nhiệm học tập, rèn luyện sức khỏe, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: khai thác, kiểm chứng số liệu; phân tích hiện tượng; đề xuất và tham gia hoạt động phù hợp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

3. Phẩm chất

Yêu nước: trân trọng thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước trên cơ sở dữ liệu; có khát vọng đóng góp cho đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Chăm chỉ: chủ động đọc tài liệu, hoàn thành nhiệm vụ, tích cực rèn luyện tri thức và kỹ năng.

Trung thực: ghi đúng nguồn, đúng năm, đúng đơn vị; không cắt ghép hoặc suy diễn số liệu; kiểm chứng thông tin do AI cung cấp.

Trách nhiệm: sử dụng tiết kiệm nguồn lực, bảo vệ môi trường, ủng hộ phát triển bền vững; phản ánh hành vi sai phạm đúng kênh và đúng pháp luật.

4. Nội dung tích hợp

Năng lực số: 1.1.NC1b - tìm kiếm, khai thác dữ liệu; 1.2.NC1a - đánh giá độ tin cậy, tính phù hợp của dữ liệu; 3.1.NC1a - tạo, chỉnh sửa sản phẩm số.

Năng lực AI: NLa - con người kiểm soát quyết định; NLb - nhận diện rủi ro, thiên lệch và hệ quả đạo đức; NLC - sử dụng AI hỗ trợ nhưng phải kiểm chứng bằng SGK và nguồn chính thức.

Quyền con người: quyền học tập, chăm sóc sức khỏe, hưởng an sinh xã hội và sống trong môi trường trong lành.

Phòng chống tham nhũng, lãng phí: minh bạch, sử dụng hiệu quả nguồn lực công; phê phán lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc móc nối làm thất thoát tài sản, tài nguyên.

Phòng chống tác hại của thuốc lá: không đánh đồng doanh thu, việc làm hoặc đóng góp ngân sách với phát triển toàn diện khi hoạt động kinh tế gây hại sức khỏe, năng suất lao động và môi trường.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu/tivi, loa, bảng, bút, đồng hồ bấm giờ; thiết bị cá nhân của học sinh khi nhà trường cho phép.

2. Học liệu: SGK GDKT&PL 12; phiếu học tập; thẻ dữ liệu; bảng phụ; hồ sơ dữ liệu năm 2025; bộ câu hỏi và đáp án; rubric đánh giá.

Clip VTV “Bức tranh kinh tế vĩ mô 2025 với nhiều điểm sáng”; Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025 của Cục Thống kê.

<https://vtv.vn/video/buc-tranh-kinh-te-vi-mo-2025-voi-nhieu-diem-sang-108685840.htm>

TIẾT 1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Mục tiêu: Học sinh nêu được khái niệm tăng trưởng kinh tế; trình bày và phân biệt được GDP, GDP/người, GNI, GNI/người; phân biệt quy mô với tốc độ tăng trưởng; đọc đúng dữ liệu năm 2025.

Sản phẩm: Phiếu quan sát clip; bảng “4 chỉ tiêu tăng trưởng”; kết quả trò chơi xác định chỉ tiêu.

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU: KHAI THÁC CLIP “BỨC TRANH KINH TẾ VĨ MÔ 2025” (6 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Kích hoạt hiểu biết thực tiễn và xác định vấn đề học tập: các con số về GDP phản ánh điều gì, và có đủ để kết luận nền kinh tế phát triển toàn diện hay không.

b) Nội dung hoạt động: HS xem trích đoạn 2-3 phút; ghi tối thiểu ba dữ kiện vào Phiếu số 1 theo ba cột: Dữ kiện - Ý nghĩa ban đầu - Điều chưa đủ để kết luận.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu có ít nhất ba dữ kiện đúng, một kết luận ban đầu và một câu hỏi học tập.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Quan sát video; ghi chép có định hướng; suy nghĩ - trao đổi cặp đôi - chia sẻ.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Giới thiệu tên clip, nguồn VTV, năm dữ liệu. Phát Phiếu số 1. Nêu rõ yêu cầu: chỉ ghi dữ kiện nghe/nhìn thấy; không suy diễn; chú ý đơn vị %, tỉ USD và USD/người. Sau clip, mỗi HS trao đổi với bạn bên cạnh 45 giây để kiểm tra số liệu.

Hoạt động của học sinh: Nhận phiếu; đọc yêu cầu; chuẩn bị bút; xác định ba việc phải làm: ghi dữ kiện, giải thích sơ bộ, nêu điều chưa đủ để kết luận.

Câu hỏi: Trong khi xem clip, em cần tập trung vào những loại thông tin nào?

Các con số về tốc độ tăng, quy mô GDP, GDP/người; cơ cấu ngành; thông tin về sản xuất, đời sống hoặc xã hội nếu clip có nêu.

Câu hỏi: Vì sao không được vội kết luận chỉ từ một con số?

Vì mỗi chỉ tiêu chỉ phản ánh một khía cạnh; cần biết phạm vi, năm, nguồn và kết hợp nhiều chỉ tiêu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Phát clip; dừng ngắn ở khung hình chứa số liệu nếu cần. Quan sát cách HS ghi; hỗ trợ HS chưa kịp ghi bằng cách nhắc từ khóa, không đọc sẵn đáp án.

Hoạt động của học sinh: Xem clip; ghi tối thiểu ba dữ kiện; đối chiếu với bạn bên cạnh; sửa số liệu nếu nghe/ghi chưa chính xác.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời một HS nêu dữ kiện, một HS giải thích, một HS chỉ ra giới hạn. Ghi nhanh các ý lên bảng thành hai nhóm: “phản ánh tăng trưởng” và “chưa đủ để kết luận phát triển”.

Hoạt động của học sinh: Trình bày ngắn; lắng nghe; đối chiếu phiếu; bổ sung hoặc sửa kết luận.

Câu hỏi: Con số GDP tăng 8,02% phản ánh quy mô hay tốc độ?

Phản ánh tốc độ tăng GDP năm 2025 so với năm trước.

Câu hỏi: GDP 514 tỉ USD phản ánh điều gì?

Phản ánh tổng giá trị GDP theo giá hiện hành, tức quy mô nền kinh tế năm 2025.

Câu hỏi: GDP/người 5.026 USD cho biết điều gì và chưa cho biết điều gì?

Cho biết mức GDP bình quân trên một người; chưa phản ánh thu nhập thực tế của từng người, cách phân phối thu nhập, khả năng tiếp cận dịch vụ.

Câu hỏi: Muốn kết luận cơ cấu kinh tế chuyển dịch, cần thêm dữ liệu nào?

Cần số liệu cơ cấu của ít nhất hai thời điểm hoặc một giai đoạn để so sánh.

Câu hỏi vận dụng: Nếu GDP tăng cao nhưng nghèo đói, bất bình đẳng và ô nhiễm đều tăng, có thể kết luận nền kinh tế đã phát triển toàn diện không?

Không. GDP tăng cho thấy tăng trưởng về lượng; phát triển kinh tế còn đòi hỏi chuyển dịch cơ cấu tích cực và tiến bộ xã hội, đồng thời tăng trưởng cần gắn với bảo vệ môi trường để bền vững.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Tuyên dương HS ghi đúng số liệu, đúng đơn vị và biết giới hạn kết luận. ..

Kết luận: Hoạt động đã giải quyết vấn đề mở đầu: các số liệu GDP trước hết phản ánh tăng trưởng kinh tế về quy mô và tốc độ; một chỉ tiêu đơn lẻ chưa đủ để kết luận phát triển kinh tế toàn diện.

Đề đọc đúng dữ liệu kinh tế, HS cần làm rõ khái niệm tăng trưởng và bốn chỉ tiêu GDP, GDP/người, GNI, GNI/người.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: KHÁI NIỆM TĂNG TRƯỞNG VÀ BỐN CHỈ TIÊU (27 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: HS nêu được khái niệm tăng trưởng kinh tế; trình bày được nội dung, phạm vi và ý nghĩa của GDP, GDP/người, GNI, GNI/người; phân biệt lãnh thổ với công dân và quy mô với tốc độ.

b) Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, làm việc theo bốn nhóm chuyên gia; mỗi nhóm nghiên cứu một chỉ tiêu, hoàn thành: khái niệm/phạm vi - cách xác định - ý nghĩa - giới hạn - dữ liệu minh họa 2025.

c) Sản phẩm học tập: Bảng nhóm chính xác; câu trả lời tình huống; phần ghi vở

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Đọc SGK có mục đích; hợp tác nhóm chuyên gia; phân tích số liệu; sơ đồ hóa; tích hợp 1.1.NC1b và NLc có kiểm chứng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3 phút) Hoạt động của GV: Chia lớp thành 4 nhóm; phát Phiếu số 2 và đoạn SGK tương ứng. Phân công vai trò: điều phối, thư kí, kiểm tra nguồn, báo cáo viên. Nêu tiêu chí: đúng thuật ngữ SGK; có dữ liệu minh họa; nêu được một giới hạn. Nhóm 1 nghiên cứu GDP; Nhóm 2 GDP/người; Nhóm 3 GNI; Nhóm 4 GNI/người. Hoàn thành năm ô của phiếu trong 7 phút, báo cáo tối đa 2 phút. Hoạt động của HS: Nhận nhiệm vụ; phân vai; đọc tiêu chí; xác định đoạn SGK cần khai thác. Câu hỏi: Sản phẩm nhóm phải có những nội dung nào? Năm nội dung: khái niệm/phạm vi; cách xác định; ý nghĩa; giới hạn; dữ liệu minh họa. Câu hỏi: Nguồn nào được dùng để kiểm chứng? SGK là nguồn kiến thức chuẩn; dữ liệu 2025 lấy từ báo cáo chính thức và clip VTV. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (7 phút) Hoạt động của GV: Đi từng nhóm, quan sát tiến độ; gợi	1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ a) Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc cần so sánh. Tăng trưởng kinh tế được đo bằng mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hay tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời gian nhất định, cả về quy mô và tốc độ gia tăng. Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế: - Tổng sản phẩm quốc nội (GDP): giá trị bằng tiền của tất

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
ý bằng từ khóa, không đọc đáp án. Nhắc nhóm GDP/GNI phân biệt lãnh thổ - công dân; nhóm bình quân đầu người phân biệt giá trị bình quân - phân phối thực tế. Hoạt động của HS: Đọc SGK; gạch chân từ khóa; trao đổi; hoàn thành phiếu; chuẩn bị một câu giải thích dữ liệu 2025. Câu hỏi: GDP được tính theo căn cứ nào? Theo lãnh thổ: giá trị hàng hóa, dịch vụ cuối cùng được sản xuất trên lãnh thổ một nước trong thời gian nhất định. Câu hỏi: GNI được tính theo căn cứ nào? Theo thu nhập quốc dân/công dân: tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân/chủ thể của quốc gia tạo ra trong và ngoài lãnh thổ. Câu hỏi: Vì sao GDP/người chỉ phản ánh mức sống tương đối? Vì là số bình quân, không cho biết phân phối thu nhập, chênh lệch vùng hoặc khả năng tiếp cận hàng hóa, dịch vụ. Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận (13 phút) Hoạt động của GV: Mời từng nhóm báo cáo tối đa 2 phút; nhóm khác dùng thẻ “Đúng/Cần bổ sung”. Tổ chức câu hỏi liên kết bốn chỉ tiêu; chuẩn hóa thuật ngữ ngay sau mỗi lượt. Hoạt động của HS: Báo cáo; lắng nghe; phản hồi có căn cứ; bổ sung vào bảng cá nhân bằng bút khác màu. Câu hỏi: Vì sao GDP năm 2025 là 514 tỉ USD nhưng tốc độ tăng GDP là 8, 02%? 514 tỉ USD là quy mô GDP năm 2025; 8, 02% là tỉ lệ tăng so với năm trước. Hai con số phản ánh hai khía cạnh khác nhau. Câu hỏi: Một doanh nghiệp Nhật Bản sản xuất tại Việt Nam tạo ra giá trị tăng thêm. Giá trị đó liên quan thế nào đến GDP Việt Nam? Được tính vào GDP Việt Nam vì được sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam. Câu hỏi: Phần thu nhập chuyển cho chủ sở hữu nước ngoài ảnh hưởng thế nào đến GNI Việt Nam? Đáp án Là khoản chi trả thu nhập nhân tố ra nước ngoài, làm GNI Việt Nam thấp hơn so với trường hợp thu nhập thuộc về chủ thể Việt Nam. Câu hỏi: Tại sao không thể nói mỗi người Việt Nam nhận 5.026 USD khi GDP/người là 5.026 USD? GDP/người là GDP chia dân số trung bình; đây là mức bình quân thống kê, không phải khoản tiền phân phối trực tiếp cho từng người. Câu hỏi vận dụng: Hai quốc gia có GDP bằng nhau nhưng dân số rất khác nhau. Có thể dùng GDP để kết luận mức sống bình quân giống nhau không?	cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định. - Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người): GDP trong năm chia cho dân số trung bình của năm tương ứng; được sử dụng như một thước đo mức sống tương đối. - Tổng thu nhập quốc dân (GNI): tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia tạo ra, bao gồm cả ở trong và ngoài lãnh thổ quốc gia. - Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người): GNI trong năm chia cho dân số trung bình của năm tương ứng; được dùng để so sánh kết quả tăng trưởng và mức sống giữa các quốc gia.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Không. Cần xem GDP/người hoặc GNI/người và thêm dữ liệu phân phối, phúc lợi; GDP chỉ cho biết quy mô chung. Bước 4. Kết luận, nhận định (4 phút) Hoạt động của GV: Đối chiếu sản phẩm với tiêu chí; chỉ rõ lỗi điển hình; yêu cầu HS đánh dấu hai cặp từ khóa “lãnh thổ - GDP” và “công dân/thu nhập quốc dân - GNI”. Hoạt động của HS: Tự sửa phiếu; ghi nội dung chuẩn ở cột phải; nêu một lỗi mình đã khắc phục. Nhận xét kết quả hoạt động học sinh. Kết luận: Hoạt động đã giải quyết vấn đề: muốn nhận diện tăng trưởng phải dùng đúng chỉ tiêu và đúng phạm vi. Tăng trưởng là sự tăng lên về quy mô sản lượng trong một thời kì so với thời kì gốc; được đo bằng GDP, GDP/người, GNI, GNI/người cả về quy mô và tốc độ. Chuyển tiếp: HS vận dụng ngay kiến thức để xác định đúng chỉ tiêu trong trò chơi luyện tập.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP - TRÒ CHƠI : XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (9 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: củng cố cách nhận diện GDP, GDP/người, GNI, GNI/người; rèn giải thích bằng từ khóa.

b) Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi cá nhân bằng bốn thẻ A-B-C-D tương ứng GDP - GDP/người - GNI - GNI/người; trả lời sáu tình huống.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu/thẻ lựa chọn và lời giải ngắn; tối đa 12 điểm.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trò chơi học tập cá nhân; phản hồi tức thời; sửa lỗi theo căn cứ.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu tên trò chơi, mục đích, luật và cách tính điểm. Mỗi HS có bốn thẻ: A - GDP, B - GDP/người, C - GNI, D - GNI/người. GV đọc/chiếu từng tình huống trong 15 giây; HS giơ một thẻ và viết một từ khóa giải thích.

Hoạt động của học sinh: Nhận thẻ; nhắc lại quy ước; sẵn sàng giơ thẻ đúng thời gian.

Câu hỏi: Mỗi câu được tính điểm như thế nào?

Chọn đúng được 1 điểm; giải thích đúng từ khóa được thêm 1 điểm; tối đa 12 điểm cho 6 câu.

Câu hỏi: Trường hợp chỉ đoán đúng nhưng không giải thích có được đủ điểm không?

Không. Chỉ được 1 điểm lựa chọn; điểm thứ hai dành cho căn cứ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Điều khiển sáu lượt; giữ nhịp 15-20 giây/lượt; quan sát tỉ lệ lựa chọn; không công bố đáp án trước khi HS giơ thẻ.

Hoạt động của học sinh: Đọc tình huống; chọn thẻ; ghi từ khóa; giữ nguyên thẻ đến khi GV yêu cầu hạ.

Câu hỏi: Giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng sản xuất trên lãnh thổ Việt Nam trong một năm.

A - GDP; từ khóa: lãnh thổ.

Câu hỏi: GDP chia dân số trung bình.

B - GDP/người; từ khóa: bình quân sản phẩm theo dân số.

Câu hỏi: Tổng thu nhập do công dân Việt Nam tạo ra trong và ngoài lãnh thổ.

C - GNI; từ khóa: công dân/thu nhập quốc dân.

Câu hỏi: GNI chia dân số trung bình.

D - GNI/người; từ khóa: thu nhập bình quân.

Câu hỏi: 514 tỉ USD của Việt Nam năm 2025.

A - GDP; đây là quy mô GDP.

Câu hỏi: 5.026 USD/người năm 2025.

B - GDP/người; đây là mức GDP bình quân đầu người.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Sau mỗi lượt, mời một HS giải thích; công bố đáp án; ghi nhanh lỗi phổ biến. Cuối trò chơi, HS tự cộng điểm và khoanh câu sai.

Hoạt động của học sinh: Giải thích; đối chiếu; tự chấm; sửa câu sai.

Câu hỏi vận dụng: Một chỉ tiêu GNI/người tăng có đủ chứng minh mọi người dân đều có thu nhập tăng không?

Không. GNI/người là số bình quân; cần thêm dữ liệu về phân phối thu nhập, việc làm, nghèo và bất bình đẳng.

Câu hỏi: Vì sao phải giải thích bằng từ khóa thay vì chỉ giờ thế?

Để chứng minh HS hiểu bản chất và tránh đoán.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Công bố mức đạt: 10-12 điểm: nắm chắc; 7-9 điểm: đạt; dưới 7 điểm: cần xem lại cặp GDP-GNI và hai chỉ tiêu bình quân. Tuyên dương HS giải thích ngắn mà đúng.

Kết luận: Trò chơi đã giải quyết yêu cầu nhận diện: GDP theo lãnh thổ; GNI theo thu nhập quốc dân/công dân; hai chỉ tiêu “/người” là số bình quân. Mọi lựa chọn phải kèm căn cứ.

Chuyển tiếp: HS vận dụng cách đọc chỉ tiêu vào dữ liệu địa phương.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: TÌM HIỂU SỐ LIỆU KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG (3 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Vận dụng cách nhận diện chỉ tiêu tăng trưởng vào thông tin thực tế; rèn ghi nguồn trung thực.

b) Nội dung hoạt động: Mỗi HS tìm một số liệu GDP, thu nhập bình quân hoặc hoạt động sản xuất của địa phương; ghi tên chỉ tiêu, giá trị, năm, nguồn và giải thích đó là quy mô hay tốc độ.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu 80-120 chữ, có nguồn và kết luận không vượt quá dữ liệu.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Nhiệm vụ cá nhân ngoài giờ; năng lực số 1.1.NC1b; phương án giấy.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chiếu mẫu phiếu; hướng dẫn ghi nguồn; nhắc không dùng số liệu quảng cáo, không rõ năm hoặc không rõ đơn vị.

Hoạt động của học sinh: Ghi yêu cầu; chọn một loại dữ liệu cần tìm; hỏi lại nếu chưa rõ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Hướng dẫn nguồn chính thức của tỉnh/thành phố hoặc niên giám; chuẩn bị bản in cho HS không có thiết bị.

Hoạt động của học sinh: Thực hiện ngoài giờ; ghi nguồn; đối chiếu khái niệm trong SGK.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Chọn trước hai sản phẩm khác nhau để báo cáo đầu Tiết 2.

Hoạt động của học sinh: Nộp sản phẩm; hai HS được chọn chuẩn bị trình bày 60 giây.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá theo ba tiêu chí: nguồn rõ; năm và đơn vị đúng; kết luận phù hợp. Sản phẩm sai nguồn được sửa, không khuyến khích sao chép.

Kết luận: Nhiệm vụ giúp HS chuyển kiến thức từ số liệu quốc gia sang địa phương và hình thành thói quen đọc dữ liệu có căn cứ.

Chuyển tiếp: Sản phẩm sẽ được dùng để mở đầu Tiết 2 và phân tích vai trò của tăng trưởng kinh tế.

TIẾT 2. VAI TRÒ CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÁC CHỈ TIÊU

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU.

SỐ LIỆU KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG PHẢN ÁNH ĐIỀU GÌ? (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Kết nối sản phẩm Tiết 1 với vấn đề mới: tăng trưởng tạo nguồn lực như thế nào và vì sao nguồn lực không tự động trở thành phát triển.

b) Nội dung hoạt động: Hai HS trình bày nhật ký dữ liệu địa phương; lớp xác định điều dữ liệu chứng minh được và điều chưa đủ căn cứ.

c) Sản phẩm học tập: Nhận xét hai ý: “chứng minh được” và “chưa đủ để kết luận”.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trình bày một phút; phản hồi ngắn; hỏi - đáp gợi mở.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chọn hai sản phẩm có loại dữ liệu khác nhau; giao người trình bày nói trong 60 giây; giao lớp ghi hai cột “biết được/chưa biết được”.

Hoạt động của học sinh: Người trình bày chuẩn bị; lớp nhận mẫu phản hồi và xác định nhiệm vụ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Điều khiển thời gian; ghi từ khóa việc làm, thu nhập, hạ tầng, phúc lợi lên bảng khi HS nêu.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; nghe; ghi nhận xét.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời 2-3 HS phản hồi, yêu cầu nêu căn cứ.

Hoạt động của học sinh: Phản hồi; phân biệt kết luận có căn cứ và kết luận vượt quá dữ liệu.

Câu hỏi: GDP tăng cho biết điều gì?

Đáp án/dự kiến trả lời: Cho biết quy mô hoặc tốc độ tăng sản lượng của địa phương, tùy cách trình bày số liệu.

Câu hỏi: GDP tăng có tự động chứng minh bệnh viện, trường học và môi trường đều được cải thiện không?

Đáp án/dự kiến trả lời: Không. Cần thêm dữ liệu xã hội, cơ cấu, đầu tư, phân phối và môi trường.

Câu hỏi: Tăng trưởng tạo ra nguồn lực vật chất, nhưng nguồn lực có tự động trở thành phúc lợi không?

Đáp án/dự kiến trả lời: Không. Cần chính sách, quản lý, phân phối và sử dụng nguồn lực hiệu quả.

Câu hỏi vận dụng: Một địa phương tăng GDP cao nhưng tỉ lệ bỏ học và ô nhiễm tăng. Cần kết luận thế nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Địa phương có tăng trưởng về lượng nhưng chưa đủ bằng chứng về phát triển kinh tế toàn diện; cần xem cơ cấu và tiến bộ xã hội.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Khen HS biết giới hạn kết luận; sửa lỗi dùng một số liệu để khẳng định toàn bộ đời sống.

Kết luận: Hoạt động đã làm rõ vấn đề: tăng trưởng tạo nguồn lực vật chất, nhưng phát triển kinh tế chỉ xuất hiện khi nguồn lực được chuyển hóa thành thay đổi cơ cấu và tiến bộ xã hội.

Chuyển tiếp: HS tìm hiểu vai trò của tăng trưởng và ba nhóm chỉ tiêu phát triển.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: VAI TRÒ TĂNG TRƯỞNG; KHÁI NIỆM VÀ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ (30 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: HS giải thích được vai trò của tăng trưởng; nêu được khái niệm phát triển kinh tế và ba nhóm chỉ tiêu phát triển.

b) Nội dung hoạt động: HS đọc mục 1b và 2a SGK; thực hiện hai nhiệm vụ liên hoàn: nối dữ liệu tăng trưởng với vai trò; phân loại dữ liệu vào ba nhóm chỉ tiêu phát triển.

c) Sản phẩm học tập: Sơ đồ nguyên nhân - kết quả và bảng ba nhóm chỉ tiêu; sửa một đoạn giải thích sai.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Đọc có mục đích; cá nhân - cặp đôi; sơ đồ hóa; phân tích dữ liệu; AI NLc có kiểm chứng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (4 phút) Hoạt động của GV: Phát Phiếu số 3 gồm phần A và phần B. Nêu quy trình: cá nhân đọc 4 phút; trao đổi cặp đôi 5 phút; thống nhất sản phẩm; báo cáo. Phần A: Chọn dữ liệu tăng trưởng kinh tế 2025: Tăng quy mô/thu nhập → các nguồn lực của nền kinh tế được mở rộng → Tạo điều kiện thực hiện những vai trò nào của tăng trưởng kinh tế đối với người dân và đất nước? Xác định số liệu phản ánh sự tăng lên về quy mô hoặc thu nhập của nền kinh tế. - Lựa chọn ít nhất hai vai trò của tăng trưởng kinh tế được nêu trong SGK. - Giải thích ngắn gọn mối liên hệ giữa sự gia tăng nguồn lực kinh tế với từng vai trò đã lựa chọn Phần B: Phân loại GDP, cơ cấu ngành, HDI, nghèo đa chiều, Gini, thu nhập dân cư vào ba nhóm chỉ tiêu phát triển. Hoạt động của HS: Đọc nhiệm vụ; xác định hai sản phẩm; chuẩn bị SGK và bút màu. Câu hỏi: Vì sao dùng từ “tạo điều kiện” thay cho “chắc chắn”? Vì tăng trưởng cung cấp nguồn lực nhưng kết quả phụ thuộc chính sách, phân phối và quản trị. Câu hỏi: 3 nhóm chỉ tiêu phát triển là gì? Chỉ tiêu tăng trưởng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tiến bộ xã hội. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (9 phút) Hoạt động của GV: Quan sát cá nhân và cặp đôi; hỗ trợ bằng câu hỏi về người dân, Nhà nước, vị thế quốc gia; cung cấp đoạn AI sai: “GDP/người là thu nhập thực của mỗi người và GDP tăng đồng nghĩa phát triển toàn diện”. Hoạt động của HS: Đọc SGK; gạch chân từ khóa; hoàn thành sơ đồ; đối chiếu đoạn AI và sửa lỗi. Câu hỏi: Tăng trưởng giúp giải quyết việc làm và thu nhập biểu hiện như thế nào? Quy mô sản xuất mở rộng tạo nhu cầu lao động, tạo thêm	1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ b) Vai trò của tăng trưởng kinh tế Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu; tạo điều kiện giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, thể thao, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Tăng trưởng kinh tế là tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước và vị thế của quốc gia. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam. 2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ a) Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội. Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế bao gồm: - Sự gia tăng GDP, GNI GDP/người, GNI/người. - Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên; tỉ trọng nông nghiệp giảm đi. - Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: HDI tăng; chỉ số đói nghèo và hệ số bất

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
thu nhập và nguồn lực cho phúc lợi. Câu hỏi: Cơ cấu một năm có đủ chứng minh chuyển dịch không? Không. Phải so sánh ít nhất hai thời điểm. Câu hỏi: Sửa đoạn AI như thế nào? GDP/người là mức GDP bình quân, không phải thu nhập thực của từng người; GDP tăng mới phản ánh tăng trưởng, chưa đủ kết luận phát triển toàn diện. Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận (13 phút) Hoạt động của GV: Mời 3 cặp báo cáo ba góc: vai trò với người dân; vai trò với Nhà nước/quốc gia; 3 nhóm chỉ tiêu phát triển. Cho lớp bổ sung bằng bút khác màu. Hoạt động của HS: Báo cáo theo chuỗi nguyên nhân - kết quả; phản hồi; hoàn thiện phiếu. Câu hỏi: Vì sao tăng trưởng là điều kiện cần để khắc phục nghèo và tụt hậu? Vì tạo nguồn lực vật chất, việc làm, thu nhập và ngân sách để đầu tư hạ tầng, giáo dục, y tế, phúc lợi. Câu hỏi: Thu nhập dân cư tăng và nghèo đa chiều giảm thuộc nhóm chỉ tiêu nào? Thuộc nhóm tiến bộ xã hội. Câu hỏi: Tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ tăng và nông nghiệp giảm nói lên điều gì? Gợi ý: chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tích cực, nhưng phải so sánh theo thời gian và giá trị tuyệt đối các ngành vẫn tăng. Câu hỏi vận dụng: Dự án làm GDP địa phương tăng nhưng công nghệ lạc hậu, gây chi phí y tế lớn. Có thể gọi là phát triển không? Không thể kết luận là phát triển toàn diện; lợi ích kinh tế phải được xem cùng tác động xã hội và môi trường, cần đổi công nghệ và khắc phục tác hại. Bước 4. Kết luận, nhận định (4 phút) Hoạt động của GV: Đối chiếu sơ đồ với SGK; chỉ rõ lỗi diễn đạt tuyệt đối; yêu cầu HS đọc to công thức khái quát. Hoạt động của HS: Tự sửa; hoàn thiện sơ đồ; ghi nội dung chuẩn. Nhận xét kết quả hoạt động học: HS đạt tốt khi giải thích được cơ chế và phân loại đúng dữ liệu; cần sửa nếu chỉ liệt kê vai trò hoặc đồng nhất tăng trưởng với phát triển. Kết luận: Hoạt động đã giải quyết hai vấn đề: (1) tăng trưởng tạo nguồn lực cho giảm nghèo, việc làm, phúc lợi, quốc phòng, vị thế; (2) phát triển kinh tế là tăng quy mô gắn với thay đổi cấu trúc và chuyển biến xã hội tích cực, được đánh giá bằng 3 nhóm chỉ tiêu. Chuyển tiếp: HS luyện phát hiện và sửa các nhận định	bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) Nghèo đa chiều là tình trạng người dân không chỉ thiếu thu nhập mà còn không được đáp ứng đầy đủ một hoặc nhiều nhu cầu cơ bản của cuộc sống, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh và khả năng tiếp cận thông tin, giảm. + Nghèo đa chiều giảm → mức sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản của người dân được cải thiện. Hệ số Gini là chỉ tiêu phản ánh mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Hệ số Gini nhận giá trị từ 0 đến 1: - Gini bằng 0: thu nhập được phân phối hoàn toàn bình đẳng. - Gini càng gần 0: mức chênh lệch thu nhập càng thấp. - Gini càng gần 1: thu nhập càng tập trung vào một nhóm nhỏ, bất bình đẳng càng lớn. Gini giảm → bất bình đẳng thu nhập giảm → phân phối thành quả phát triển công bằng hơn. Tuy nhiên, Gini giảm chưa chắc đời sống đã tốt hơn. Chẳng hạn, nếu thu nhập của mọi người đều giảm và mức giảm của người giàu lớn hơn thì Gini vẫn có thể giảm. Vì vậy, cần xem Gini cùng với thu nhập dân cư, HDI và tỉ lệ nghèo đa chiều.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
chưa đầy đủ về phát triển kinh tế.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP: PHÁT HIỆN VÀ SỬA NHẬN ĐỊNH (7 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: củng cố khái niệm phát triển kinh tế; khắc phục cách hiểu thiếu thành tố hoặc tuyệt đối hóa.

b) Nội dung hoạt động: HS xử lý ba nhận định của Bài tập 2 SGK; đánh dấu Đúng/Chưa đầy đủ/Sai và viết câu sửa.

c) Sản phẩm học tập: Ba kết luận có lí do và câu sửa hoàn chỉnh.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Cá nhân; tìm lỗi - sửa lỗi; phản hồi cả lớp.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chiếu ba nhận định; yêu cầu HS gạch từ khóa quyết định và sửa trong 2 phút.

Hoạt động của học sinh: Đọc; đánh dấu; viết lí do ngắn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát; nhắc HS phải viện dẫn đủ tăng trưởng - cơ cấu - tiến bộ xã hội.

Hoạt động của học sinh: Làm cá nhân; đối chiếu SGK.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời HS nêu lựa chọn và câu sửa; yêu cầu lớp chỉ ra thành tố thiếu.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; bổ sung.

Câu hỏi: “Phát triển kinh tế là tăng trưởng gắn với tiến bộ xã hội.” Đã đầy đủ chưa?

Đáp án/dự kiến trả lời: Chưa đầy đủ; còn thiếu thay đổi/chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu hỏi: “Cơ cấu kinh tế hiện đại là mục tiêu cuối cùng của phát triển kinh tế.” Đúng không?

Đáp án/dự kiến trả lời: Không đầy đủ/sai; chuyển dịch cơ cấu là một nội dung, còn mục tiêu hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống và tiến bộ xã hội.

Câu hỏi: “Tốc độ tăng trưởng càng cao trong mọi hoàn cảnh càng tốt.” Đúng không?

Đáp án/dự kiến trả lời: Sai; tăng trưởng phải ổn định, hợp lí, gắn với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu hỏi: Vì sao công thức “tăng trưởng + cơ cấu + tiến bộ xã hội” giúp tránh đánh giá phiến diện?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì bao quát cả lượng, cấu trúc và kết quả đối với con người; không chỉ nhìn một con số GDP.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Nhận xét khả năng phát hiện từ tuyệt đối hóa và thành tố bị bỏ quên.

Kết luận: Phát triển kinh tế = tăng trưởng kinh tế + chuyển dịch cơ cấu tích cực + tiến bộ xã hội. Thiếu một thành tố thì kết luận chưa đầy đủ.

Chuyển tiếp: HS đặt câu hỏi tìm dữ liệu còn thiếu để đánh giá phát triển.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: BỔ SUNG CHỈ TIÊU CÒN THIẾU CHO CLIP (3 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Rèn khả năng đặt câu hỏi dữ liệu và lựa chọn nguồn phù hợp.

b) Nội dung hoạt động: HS chọn một nội dung clip chưa phản ánh đầy đủ: HDI, Gini, nghèo đa chiều, môi trường hoặc tiếp cận y tế - giáo dục; viết câu hỏi, chỉ tiêu cần tìm và nguồn dự kiến.

c) Sản phẩm học tập: Thẻ câu hỏi dữ liệu gồm câu hỏi - chỉ tiêu - nguồn - lí do.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Nhiệm vụ cá nhân; năng lực số 1.2.NC1a.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu mẫu: “GDP/người tăng nhưng phân phối thu nhập thay đổi ra sao?” - cần tìm Gini.

Hoạt động của học sinh: Ghi mẫu và chọn một nội dung.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nhắc chỉ dùng SGK hoặc nguồn chính thức.

Hoạt động của học sinh: Hoàn thành ngoài giờ.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Chọn 6-8 thẻ để dùng đầu Tiết 3.

Hoạt động của học sinh: Nộp thẻ; chuẩn bị giải thích.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá câu hỏi có đúng chỉ tiêu và nguồn có phù hợp hay không.

Kết luận: Muốn đánh giá phát triển phải chủ động tìm bằng chứng đa chiều, không tìm số liệu chỉ để bảo vệ kết luận có sẵn.

Chuyển tiếp: Tiết 3 sử dụng các thẻ để phân biệt tăng trưởng và phát triển.

TIẾT 3. VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ; PHÂN BIỆT TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU: PHÂN LOẠI DỮ LIỆU CÒN THIẾU (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Kích hoạt ba nhóm chỉ tiêu và hình thành nhu cầu phân biệt tăng trưởng với phát triển.

b) Nội dung hoạt động: HS dán 6-8 thẻ câu hỏi dữ liệu của Tiết 2 vào ba cột: tăng trưởng - cơ cấu - tiến bộ xã hội.

c) Sản phẩm học tập: Bảng phân loại đúng và nhận xét nhóm dữ liệu còn thiếu trong clip.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Phân loại thẻ; hỏi - đáp; tư duy trực quan.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chọn 6-8 thẻ tiêu biểu; nêu yêu cầu mỗi HS dán thẻ và nói một từ khóa căn cứ.

Hoạt động của học sinh: Nhận thẻ; đọc nội dung; xác định nhóm phù hợp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát; chỉ can thiệp khi HS dùng sai khái niệm.

Hoạt động của học sinh: Dán thẻ; giải thích; lớp có quyền đề nghị đổi vị trí khi có căn cứ.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Hỏi nhóm dữ liệu nào xuất hiện nhiều, nhóm nào còn thiếu.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; bổ sung.

Câu hỏi: Vì sao clip thời sự thường nêu nhiều GDP, sản xuất, xuất khẩu?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì đây là chỉ báo nổi bật, dễ cập nhật; nhưng clip có giới hạn thời lượng.

Câu hỏi: Để đánh giá phát triển, vì sao cần thêm dữ liệu xã hội?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì phát triển phải cho thấy tiến bộ xã hội và kết quả đối với con người.

Câu hỏi: GDP lớn nhưng GDP/người thấp cho phép kết luận gì?

Đáp án/dự kiến trả lời: Cho biết quy mô lớn nhưng mức sản phẩm bình quân có thể còn thấp; chưa kết luận mức sống hoặc công bằng.

Câu hỏi vận dụng: Một nước có HDI tăng nhưng GDP giảm kéo dài. Có thể coi là phát triển ổn định không?

Đáp án/dự kiến trả lời: Chưa thể. Phát triển cần cả tăng trưởng, cơ cấu và tiến bộ xã hội; suy giảm kinh tế kéo dài làm thiếu nền tảng vật chất.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Khen HS phân loại bằng căn cứ; sửa lỗi xếp mọi dữ liệu xã hội vào tăng trưởng.

Kết luận: Phân biệt tăng trưởng và phát triển phải dựa vào phạm vi chỉ tiêu và kết quả đối với con người, không chỉ dựa vào cách nói “lượng - chất”.

Chuyển tiếp: HS tiếp tục làm rõ vai trò phát triển và bảng phân biệt chuẩn.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN VÀ BẢNG PHÂN BIỆT (29 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: HS giải thích được vai trò của phát triển kinh tế; phân biệt tăng trưởng và phát triển bằng tiêu chí rõ ràng và dẫn chứng.

b) Nội dung hoạt động: Nhóm 4 người đọc mục 2b SGK, hoàn thành khăn trải bàn rút gọn: bốn góc là bản chất, chỉ tiêu, kết quả/phạm vi, mối quan hệ; phần giữa là vai trò của phát triển.

c) Sản phẩm học tập: Bảng so sánh ít nhất bốn tiêu chí; sơ đồ vai trò; lập luận tình huống.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Khăn trải bàn rút gọn; hợp tác nhóm; phân tích tình huống; phản biện; 3.1.NC1a/NLc nếu làm sản phẩm số.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (4 phút) Hoạt động của GV: Chia nhóm 4 người - hoạt động nhóm. Phát Phiếu số 4. Mỗi thành viên phụ trách một tiêu chí; phần giữa thống nhất vai trò phát triển. Yêu cầu sản phẩm: Có ít nhất một dẫn chứng SGK và một dữ liệu 2025; không dùng kết luận tuyệt đối “đã phát triển hoàn toàn”. Hoạt động của HS: Phân vai; đọc tiêu chí; chuẩn bị SGK và hồ sơ dữ liệu. Câu hỏi: Bảng phân biệt cần dựa trên những tiêu chí nào? Bản chất; hệ thống chỉ tiêu; phạm vi/kết quả; mối quan hệ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (8 phút) Hoạt động của GV: Theo dõi từng thành viên viết ở góc phiếu; Hoạt động của HS: Làm cá nhân ở bốn góc; thảo luận; thống nhất phần trung tâm; chuẩn bị tình huống quốc gia A. Câu hỏi: Phát triển kinh tế giúp nâng cao hiệu quả sản xuất như thế nào? Thông qua chuyển dịch cơ cấu, phân công lao động hợp lý, nâng chất lượng nguồn nhân lực và thể chế. Câu hỏi: Phát triển tác động đến phân phối và chất lượng cuộc sống ra sao? Hướng tới phân phối công bằng, giảm nghèo, giảm chênh lệch và nâng khả năng thụ hưởng. Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận (13 phút) Hoạt động của GV: Chọn một nhóm báo cáo vai trò,	2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ a) Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế b) Vai trò của phát triển kinh tế Phát triển kinh tế bảo đảm những tiền đề vật chất cần thiết để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh và vững chắc cho nền kinh tế. Thực hiện tiến bộ xã hội góp phần xây dựng thể chế kinh tế tiên bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý; bảo đảm người dân được thụ hưởng thành quả tăng trưởng, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm chênh lệch giữa các vùng. Phát triển kinh tế tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và là điều kiện tiên quyết để khắc phục

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
một nhóm bảng phân biệt, một nhóm xử lí tình huống; tổ chức phân biện theo tiêu chí. Hoạt động của HS: Báo cáo; nghe; bổ sung; sửa phiếu. Câu hỏi: Chuyển dịch lao động từ khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao góp phần gì? Đáp án/dự kiến trả lời: Nâng năng suất, hiệu quả sản xuất, thu nhập và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu. Câu hỏi: Vì sao giảm nghèo nhưng bất bình đẳng tăng mạnh vẫn chưa phản ánh tiến bộ đầy đủ? Đáp án/dự kiến trả lời: Vì thành quả có thể phân phối không hợp lí; phát triển cần giảm chênh lệch và bảo đảm công bằng. Câu hỏi: Dữ liệu 2025 nào phản ánh tăng trưởng? Đáp án/dự kiến trả lời: GDP tăng 8, 02%; quy mô GDP 514 tỉ USD; GDP/người 5.026 USD. Câu hỏi: Dữ liệu nào gọi dấu hiệu phát triển? Đáp án/dự kiến trả lời: Cơ cấu kinh tế, năng suất lao động, lao động qua đào tạo, thu nhập dân cư; nhưng cần so sánh theo thời gian và thêm HDI, Gini, nghèo đa chiều. Câu hỏi vận dụng: Quốc gia A có GDP tăng 9%, công nghiệp tăng nhưng lợi ích tập trung vào nhóm nhỏ, người nghèo khó tiếp cận y tế. Đã phát triển đầy đủ chưa? Đáp án/dự kiến trả lời: Chưa. Cần tiến bộ xã hội: phân phối hợp lí, giảm nghèo/bất bình đẳng, tiếp cận y tế - giáo dục, nâng chất lượng sống. Bước 4. Kết luận, nhận định (4 phút) Hoạt động của GV: Đánh giá theo tiêu chí; chỉ rõ lỗi; chuẩn hóa bảng phân biệt và sơ đồ vai trò. Hoạt động của HS: Tự sửa; ghi kiến thức chuẩn; nêu một điểm khác biệt cốt lõi. Nhận xét kết quả hoạt động học: Nhóm đạt tốt khi phân biệt bằng tiêu chí và dẫn chứng; cần sửa nếu chỉ nêu khẩu hiệu hoặc dùng một dữ liệu để kết luận toàn diện. Kết luận: Phát triển kinh tế nâng hiệu quả sản xuất, khai thác thế mạnh, xây dựng thể chế, phân phối công bằng, nâng chất lượng sống và tạo động lực tăng trưởng. Tăng trưởng là điều kiện cần; phát triển bao quát tăng trưởng, cơ cấu và tiến bộ xã hội. Chuyển tiếp: HS luyện giải thích vai trò bằng cơ chế tác động và ví dụ.	tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP: GIẢI THÍCH VAI TRÒ BẰNG CHUỖI LẬP LUẬN (8 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Rèn khả năng giải thích vai trò bằng quan hệ nguyên nhân - kết quả và dẫn chứng.

b) Nội dung hoạt động: HS thực hiện Bài tập 3 SGK theo ba chủ đề: văn hóa - giáo dục; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giảm chênh lệch vùng.

c) Sản phẩm học tập: Bài nói 60 giây theo cấu trúc: vai trò - cơ chế tác động - ví dụ.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trình bày một phút; phản hồi theo tiêu chí.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Giao ba chủ đề cho ba dãy; nêu mẫu cấu trúc; quy định 2 phút chuẩn bị.

Hoạt động của học sinh: Chuẩn bị cá nhân; ghi ba ý.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát; nhắc không chỉ kể ví dụ mà phải giải thích “vì sao”.

Hoạt động của học sinh: Hoàn thiện bài nói.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời ba HS trình bày; mỗi bài có một phản hồi.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; phản hồi.

Câu hỏi: Đầu tư giáo dục chỉ là chi tiêu hay còn là đầu tư cho tăng trưởng dài hạn?

Đáp án/dự kiến trả lời: Còn là đầu tư cho nguồn nhân lực, năng suất và đổi mới; vì vậy tạo động lực tăng trưởng dài hạn.

Câu hỏi: Phát triển kinh tế hỗ trợ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ra sao?

Đáp án/dự kiến trả lời: Tạo nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu, ứng dụng công nghệ và nâng năng suất.

Câu hỏi: Giảm chênh lệch vùng có thể nâng hiệu quả nền kinh tế như thế nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Khai thác nguồn lực, mở rộng thị trường, nâng ổn định xã hội và giảm lãng phí tiềm năng.

Câu hỏi vận dụng: Vì sao chính sách chỉ tăng đầu tư hạ tầng mà không nâng kỹ năng người lao động có thể chưa hiệu quả?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì hạ tầng cần đi cùng nguồn nhân lực; thiếu kỹ năng làm giảm khả năng sử dụng công nghệ và khai thác đầu tư.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Nhận xét độ rõ của luận điểm, cơ chế và ví dụ; sửa bài chỉ liệt kê.

Kết luận: Vai trò chỉ được giải thích đầy đủ khi nêu được “tạo điều kiện gì - thông qua cơ chế nào - đem lại kết quả gì”.

Chuyển tiếp: HS tìm minh chứng phát triển ở địa phương để chuẩn bị vận dụng tổng hợp.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: MINH CHỨNG PHÁT TRIỂN Ở ĐỊA PHƯƠNG (3 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Gắn kiến thức với địa phương và chuẩn bị YCCĐ tham gia hoạt động.

b) Nội dung hoạt động: HS chọn một thay đổi thuộc hạ tầng/sản xuất, cơ cấu nghề nghiệp hoặc tiến bộ xã hội; ghi minh chứng, nguồn và đề xuất một hành động cá nhân.

c) Sản phẩm học tập: Thẻ minh chứng có mô tả/ảnh, nguồn, phân loại và hành động khả thi.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Điều tra nhỏ; liên hệ thực tiễn; 3.1.NC1a.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu yêu cầu tôn trọng quyền riêng tư, không chụp người khác khi chưa đồng ý.

Hoạt động của học sinh: Chọn nội dung và cách thu thập.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Gọi nguồn công khai hoặc hỏi người thân.

Hoạt động của học sinh: Thực hiện ngoài giờ.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Thông báo sản phẩm đúng ở Tiết 5.

Hoạt động của học sinh: Nộp đúng hạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Hoạt động của giáo viên:

Hoạt động của học sinh:

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá khả năng phân loại, nguồn và tính khả thi.

Kết luận: Trách nhiệm công dân bắt đầu từ quan sát đúng, sử dụng thông tin trung thực và lựa chọn hành động phù hợp.

Chuyển tiếp: Tiết 4 chuyển sang mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển bền vững.

TIẾT 4. MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU: TĂNG TRƯỞNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Tạo mâu thuẫn nhận thức từ dữ liệu 2025 và xác định câu hỏi trung tâm về phát triển bền vững.

b) Nội dung hoạt động: GV chiếu hai thẻ: GDP tăng 8, 02% và thông tin vi phạm môi trường; HS viết một câu hỏi nổi hai dữ liệu.

c) Sản phẩm học tập: Câu hỏi học tập thể hiện yêu cầu kết hợp kinh tế - xã hội - môi trường.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Dữ liệu đối chiếu; viết câu hỏi; chia sẻ nhanh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu rõ không được suy luận “mọi tăng trưởng đều gây ô nhiễm”; yêu cầu viết câu hỏi về điều kiện để tăng trưởng bền vững.

Hoạt động của học sinh: Đọc hai dữ liệu; viết câu hỏi trong 45 giây.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát; gợi ý từ khóa điều kiện, hậu quả, lâu dài.

Hoạt động của học sinh: Trao đổi với bạn; chọn câu hỏi rõ nhất.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Chọn ba câu hỏi; chỉnh thành câu hỏi trung tâm.

Hoạt động của học sinh: Đọc câu hỏi; góp ý.

Câu hỏi: Tăng trưởng cần đáp ứng những điều kiện nào để không làm suy giảm cơ hội của xã hội và môi trường?

Phải kết hợp phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên và tuân thủ pháp luật.

Câu hỏi: Xử lý vi phạm môi trường chỉ là chi phí hay còn bảo vệ tăng trưởng dài hạn?

Còn bảo vệ sức khỏe, tài nguyên, niềm tin, môi trường đầu tư và nền tảng sản xuất dài hạn.

Câu hỏi vận dụng: Có nên ngừng mọi hoạt động sản xuất có nguy cơ gây tác động môi trường?

Không. Cần đánh giá, kiểm soát, đổi công nghệ, tuân thủ tiêu chuẩn và xử lý vi phạm; mục tiêu là hài hòa, không phải ngừng phát triển.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá câu hỏi rõ, không cực đoan và có liên hệ ba mặt.

Kết luận: Vấn đề cần giải quyết là điều kiện để tăng trưởng tạo nền tảng cho phát triển bền vững và không gây hậu quả quay lại cản trở kinh tế.

Chuyển tiếp: HS phân tích tình huống doanh nghiệp để làm rõ quan hệ hai chiều.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ MỐI QUAN HỆ HAI CHIỀU (29 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: HS nêu được phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường; nhận biết tác động tích cực, tiêu cực giữa tăng trưởng và phát triển bền vững.

b) Nội dung hoạt động: Nhóm 4-5 người xử lý tình huống công ty K tăng doanh thu, tạo việc làm nhưng xả thải.

c) Sản phẩm học tập: kết luận quan hệ hai chiều; giải pháp có căn cứ kinh tế, xã hội, môi trường và pháp luật.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Dạy học tình huống; hợp tác nhóm; phản biện; tích hợp quyền con người, PCTN, PCTHTL, NLb.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe, sinh kế, quyền sống trong môi trường trong lành; làm ô nhiễm sông, suy giảm hệ sinh thái. Câu hỏi: Giải pháp không cực đoan là gì? Buộc dừng hành vi vi phạm, xử lý/khắc phục ô nhiễm, đầu tư công nghệ, thực hiện trách nhiệm, bảo đảm quyền lợi người lao động theo pháp luật. Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận (13 phút) Hoạt động của GV: Mời một nhóm báo cáo ma trận, một nhóm đóng vai doanh nghiệp, một nhóm đóng vai cộng đồng/cơ quan quản lý; lớp phản biện theo ba mặt. (Phát triển kinh tế, Phát triển xã hội, Bảo vệ môi trường). Hoạt động của HS: Báo cáo; đặt câu hỏi; bổ sung; điều chỉnh giải pháp. Câu hỏi: Vì sao tăng trưởng ổn định là điều kiện tiên quyết của phát triển bền vững? Vì tạo nguồn lực vật chất cho nâng mức sống, đầu tư xã hội và bảo vệ môi trường. Câu hỏi: Tăng trưởng không hợp lý quay lại cản trở kinh tế bằng những cơ chế nào? Gây chi phí y tế, suy giảm tài nguyên, bất ổn xã hội, mất niềm tin và làm xấu môi trường đầu tư. Câu hỏi: Phát triển bền vững thúc đẩy tăng trưởng dài hạn như thế nào? Nâng chất lượng nguồn nhân lực, ổn định xã hội, bảo vệ tài nguyên và nâng chất lượng môi trường kinh doanh. Câu hỏi: Tích hợp PCTN: Nếu cán bộ móc nối bỏ qua đánh giá môi trường, hậu quả là gì? Làm thất thoát/ sử dụng sai nguồn lực công, phá vỡ kỉ cương, gây thiệt hại xã hội và suy giảm niềm tin. Câu hỏi: Tích hợp PCTHTL: Ngành tạo doanh thu nhưng gây bệnh tật, chi phí y tế và giảm năng suất	3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp hợp lý, hài hòa giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có quan hệ chặt chẽ với nhau. Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, là điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững và là điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lý có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia. Phát triển bền vững, với yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng và thực hiện các chính sách phát triển xã hội, tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
có phải phát triển toàn diện không? Không. Phải đánh giá chi phí xã hội và sức khỏe, không chỉ doanh thu hoặc thuế. Câu hỏi vận dụng: Nếu đóng cửa ngay Công ty K làm nhiều lao động mất việc, giải pháp nào cân bằng hơn? Xử lý theo mức độ, buộc dừng xả thải, khắc phục môi trường, chuyển đổi công nghệ, giám sát minh bạch và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động. Bước 4. Kết luận, nhận định (4 phút) Hoạt động của GV: Đánh giá ma trận và giải pháp; chỉ rõ sản phẩm phiến diện; chuẩn hóa quan hệ hai chiều. Hoạt động của HS: Tự sửa; ghi nội dung cốt lõi; nêu một hành vi ủng hộ và một hành vi cần phê phán. Nhận xét kết quả hoạt động học của hs: Sản phẩm tốt khi đánh giá đủ ba mặt và giải pháp khả thi; chưa đạt khi chỉ yêu cầu đóng cửa ngay hoặc chỉ bảo vệ việc làm mà bỏ qua môi trường. Kết luận: Phát triển bền vững là kết hợp hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường. Tăng trưởng là nội dung, điều kiện vật chất; tăng trưởng không hợp lý cản trở bền vững; phát triển bền vững tạo động lực tăng trưởng lâu dài. Chuyển tiếp: HS luyện đánh giá các nhận định và hành vi bằng tiêu chí ba mặt.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP - TRÒ CHƠI “ĐÁNH GIÁ NHẬN ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG” (8 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Củng cố mối quan hệ hai chiều; rèn phát hiện từ tuyệt đối hóa và điều kiện còn thiếu.

b) Nội dung hoạt động: HS sử dụng ba thẻ: Đúng - Sai - Chưa đầy đủ; đánh giá bốn nhận định, nêu căn cứ và sửa câu.

c) Sản phẩm học tập: Kết quả lựa chọn, lí do, câu sửa; tối đa 8 điểm.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Trò chơi cá nhân; tranh luận đứng tại chỗ; phản hồi tức thời.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu tên, mục tiêu, luật: mỗi nhận định 20 giây; chọn đúng 1 điểm, giải thích/sửa đúng 1 điểm; không tính điểm khi chỉ đoán.

Hoạt động của học sinh: Nhận ba thẻ; nhắc lại quy ước.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chiếu từng nhận định; yêu cầu giơ thẻ cùng lúc.

Hoạt động của học sinh: Đọc; lựa chọn; ghi lí do.

Câu hỏi: Muốn phát triển bền vững chỉ cần duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Chưa đầy đủ/Sai; còn phải gắn với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu hỏi: Phát triển bền vững có thể tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

Đúng; vì nâng nguồn nhân lực, ổn định xã hội, bảo vệ tài nguyên.

Câu hỏi: Tăng trưởng gắn với tiến bộ xã hội là đủ, không cần quan tâm môi trường.

Sai; phát triển bền vững phải hài hòa ba mặt.

Câu hỏi: Doanh nghiệp nộp thuế đầy đủ thì có thể được bỏ qua nghĩa vụ môi trường.

Sai; nghĩa vụ thuế không thay thế trách nhiệm môi trường.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời HS có lựa chọn khác nhau trình bày; công bố đáp án; yêu cầu viết câu sửa.

Hoạt động của học sinh: Giải thích; tự chấm; sửa.

Câu hỏi vận dụng: Vì sao phát triển bền vững không có nghĩa là hi sinh tăng trưởng?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì mục tiêu là nâng chất lượng và tính lâu dài của tăng trưởng thông qua hiệu quả nguồn lực, xã hội ổn định và môi trường được bảo vệ.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học của hs

Phân loại mức đạt 7-8, 5-6, dưới 5; sửa lỗi chọn theo cảm tính.

Kết luận: Mọi nhận định về phát triển bền vững phải kiểm tra đủ ba mặt và quan hệ hai chiều; tránh tuyệt đối hóa một mục tiêu.

Chuyển tiếp: HS vận dụng thái độ công dân vào văn bản kiến nghị có trách nhiệm.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: VIẾT Ý KIẾN KIẾN NGHỊ CÓ TRÁCH NHIỆM (3 phút giao nhiệm vụ)

a) Mục tiêu hoạt động: Thực hiện YCCĐ 1.6 bằng hành vi công dân phù hợp, có căn cứ và tôn trọng pháp luật.

b) Nội dung hoạt động: HS viết 150-180 chữ về vấn đề sử dụng nguồn lực hoặc môi trường ở trường/địa phương theo khung: vấn đề - bằng chứng - tác động - đề xuất - cam kết.

c) Sản phẩm học tập: Văn bản tôn trọng, có dữ kiện kiểm chứng, đề xuất khả thi, không tiết lộ dữ liệu cá nhân.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Viết thực hành; giáo dục pháp luật; NLc có kiểm chứng.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Cung cấp khung và mẫu câu trung tính; nhắc không nêu tên cá nhân/tổ chức khi chưa có căn cứ công khai.

Hoạt động của học sinh: Ghi khung; chọn vấn đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nhắc AI chỉ gọi cấu trúc, người viết chịu trách nhiệm.

Hoạt động của học sinh: Viết ngoài giờ; kiểm tra nguồn.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Chọn một số bài đọc ở Tiết 5.

Hoạt động của học sinh: Nộp; sẵn sàng chỉnh sửa.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá thái độ, bằng chứng, tính khả thi và ngôn ngữ.

Kết luận: Đấu tranh với hành vi cản trở phát triển phải đúng sự việc, đúng kênh, trung thực, đúng pháp luật và hướng tới giải pháp.

Chuyển tiếp: Tiết 5 hệ thống hóa kiến thức và thiết kế hành động của học sinh.

TIẾT 5. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG TỔNG HỢP

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - TRÒ CHƠI “PHÂN LOẠI DỮ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025” (5 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Kích hoạt nhanh hệ thống khái niệm và phát hiện lỗi nhầm lẫn trước khi luyện tập tổng hợp.

b) Nội dung hoạt động: HS phân loại sáu thẻ dữ liệu vào bốn nhóm: tăng trưởng - cơ cấu - tiến bộ xã hội - môi trường; một dữ liệu có thể liên quan nhiều nhóm nhưng phải giải thích.

c) Sản phẩm học tập: Bảng lựa chọn và câu giải thích; tối đa 12 điểm.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trò chơi cá nhân; phản xạ nhanh; giải thích ngắn.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu tên trò chơi, luật và cách tính điểm: mỗi thẻ 15 giây; phân loại đúng 1 điểm; giải thích đúng phạm vi/giới hạn thêm 1 điểm. Không tính đủ điểm khi chỉ nêu tên nhóm.

Hoạt động của học sinh: Nhận phiếu bốn cột; đọc quy ước; sẵn sàng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Chiều lần lượt sáu dữ liệu; không công bố đáp án cho đến khi HS hoàn thành.

Hoạt động của học sinh: Phân loại và ghi từ khóa.

Câu hỏi: GDP tăng 8, 02%.

Đáp án/dự kiến trả lời: Tăng trưởng; phản ánh tốc độ tăng GDP.

Câu hỏi: Quy mô GDP 514 tỉ USD.

Đáp án/dự kiến trả lời: Tăng trưởng; phản ánh quy mô nền kinh tế.

Câu hỏi: Cơ cấu dịch vụ 42, 75%.

Đáp án/dự kiến trả lời: Cơ cấu kinh tế; một năm chỉ mô tả trạng thái, muốn kết luận chuyển dịch cần so sánh.

Câu hỏi: Thu nhập bình quân dân cư tăng 9, 3%.

Đáp án/dự kiến trả lời: Tiến bộ xã hội/đời sống; cần thêm dữ liệu phân phối và tiếp cận dịch vụ.

Câu hỏi: Năng suất lao động tăng 6, 83%.

Đáp án/dự kiến trả lời: Gợi chất lượng tăng trưởng và hiệu quả sản xuất; không tự nó chứng minh tiến bộ xã hội.

Câu hỏi: Thông tin vi phạm môi trường.

Đáp án/dự kiến trả lời: Môi trường; cho thấy thách thức phát triển bền vững, không chứng minh mọi tăng trưởng gây ô nhiễm.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mời HS giải thích bốn dữ liệu dễ nhầm; công bố đáp án.

Hoạt động của học sinh: Giải thích; tự chấm; sửa.

Câu hỏi vận dụng: Vì sao một dữ liệu có thể liên quan nhiều mặt nhưng vẫn phải xác định phạm vi phản ánh trực tiếp?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì dữ liệu có thể có tác động rộng, nhưng kết luận phải bắt đầu từ nội dung trực tiếp mà chỉ tiêu đo lường để tránh suy diễn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Nhận xét tốc độ phản xạ và chất lượng giải thích; chỉ rõ lỗi xếp cơ cấu một năm thành chuyển dịch.

Kết luận: Nguyên tắc đọc dữ liệu: xác định tên chỉ tiêu - năm - nguồn - phạm vi phản ánh - giới hạn trước khi kết luận.

Chuyển tiếp: HS dùng nguyên tắc này để giải quyết bài tập SGK và tình huống.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP 1: BÀI TẬP SGK VÀ TÌNH HUỐNG TỔNG HỢP (15 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: củng cố YCCĐ 1.1-1.4; rèn lập luận và đề xuất giải pháp.

b) Nội dung hoạt động: HS hoàn thiện Bài tập 1-4 SGK và tình huống doanh nghiệp khai thác khoáng sản nộp thuế nhưng không hoàn thổ.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu trả lời có lựa chọn, lí do, từ khóa và giải pháp.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Cá nhân; kiểm tra chéo; chữa lỗi điển hình.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Phát Phiếu số 6 gồm bốn cụm; nêu 7 phút làm cá nhân, 3 phút đổi phiếu, 5 phút chữa.

Hoạt động của học sinh: Nhận phiếu; đọc yêu cầu; đánh dấu câu chưa chắc.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát, không gọi đáp án; nhắc dùng từ khóa.

Hoạt động của học sinh: Làm cá nhân; đổi phiếu; đối chiếu đáp án tiêu chí.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Chữa lỗi: GDP/người là thu nhập của từng người; chỉ cần GDP cao; dịch vụ cao là chắc chắn hiện đại; nộp thuế bù được ô nhiễm.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; sửa bằng bút khác màu.

Câu hỏi: Bài tập 1: Các chỉ tiêu tăng trưởng trong danh sách là gì?

Đáp án/dự kiến trả lời: Mức tăng GDP và mức tăng GNI/người; lạm phát, dân số, Gini không phải chỉ tiêu tăng trưởng.

Câu hỏi: Bài tập 2: Phát triển kinh tế cần đủ những thành tố nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu tích cực và tiến bộ xã hội.

Câu hỏi: Bài tập 3: Vai trò đối với giáo dục, công nghiệp hóa và vùng miền phải giải thích ra sao?

Đáp án/dự kiến trả lời: Tăng/phát triển tạo nguồn lực và cơ chế nâng nguồn nhân lực, đổi công nghệ, chuyển dịch cơ cấu, giảm chênh lệch.

Câu hỏi: Bài tập 4: Phát triển bền vững gồm những mặt nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Kinh tế, xã hội, môi trường và mối quan hệ hai chiều với tăng trưởng.

Câu hỏi: Doanh nghiệp nộp thuế nhưng không hoàn hảo đã góp phần phát triển bền vững chưa?

Đáp án/dự kiến trả lời: Chưa; nghĩa vụ thuế không thay thế nghĩa vụ phục hồi môi trường.

Câu hỏi vận dụng: Giải pháp nào vừa bảo vệ môi trường vừa giảm thiệt hại hợp pháp cho người lao động?

Đáp án/dự kiến trả lời: Xử lý theo mức độ; buộc khắc phục, phục hồi, đổi công nghệ; giám sát; bảo đảm quyền lợi lao động theo pháp luật.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Phân loại mức đạt: nhận diện đúng; giải thích đúng; vận dụng có giải pháp. Yêu cầu HS tự sửa, không chỉ chép đáp án.

Kết luận: : Hoạt động đã hệ thống bốn mạch: chỉ tiêu - khái niệm - vai trò - quan hệ bền vững; mọi kết luận cần căn cứ và điều kiện.

Chuyển tiếp: HS làm trắc nghiệm để tự kiểm tra mức độ đạt.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP 2: TRẮC NGHIỆM VÀ GIẢI THÍCH CÂU SAI (10 phút)

a) **Mục tiêu hoạt động:** Đánh giá nhanh YCCĐ 1.1-1.4 và kỹ năng phân tích dữ liệu.

b) **Nội dung hoạt động:** HS làm 10 câu trắc nghiệm trong 6 phút; chữa hai câu sai nhiều nhất.

c) **Sản phẩm học tập:** Phiếu đáp án; lời giải hai câu.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trắc nghiệm cá nhân; phản hồi tức thời.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu thời gian 6 phút, không dùng tài liệu; yêu cầu khoanh đáp án và đánh dấu câu chưa chắc.

Hoạt động của học sinh: Chuẩn bị; nhận đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Quan sát, không gọi đáp án.

Hoạt động của học sinh: Làm bài; nộp/đối chiếu.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Công bố đáp án; chọn hai câu sai nhiều; mời HS giải thích.

Hoạt động của học sinh: Tự chấm; giải thích; sửa.

Câu hỏi: Vì sao câu “GDP tăng thì chắc chắn phát triển” sai?

Đáp án/dự kiến trả lời: Vì tăng trưởng là điều kiện cần; phát triển còn cần cơ cấu và tiến bộ xã hội.

Câu hỏi: Vì sao dùng AI vẫn phải kiểm chứng?

Đáp án/dự kiến trả lời: AI có thể sai hoặc thiếu bối cảnh; SGK và nguồn chính thức là căn cứ.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Nhận xét theo dữ liệu lớp; nêu nhóm câu sai và nguyên nhân.

Kết luận: Sai lầm phổ biến là đồng nhất chỉ tiêu, tuyệt đối hóa và bỏ qua giới hạn dữ liệu. HS phải sửa bằng căn cứ SGK.

Chuyển tiếp: HS vận dụng YCCĐ 1.5-1.6 vào kế hoạch hành động.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG TỔNG HỢP: HỌC SINH HÀNH ĐỘNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG (15 phút)

a) Mục tiêu hoạt động: Thực hiện YCCĐ 1.5 và 1.6: xác định trách nhiệm, lập kế hoạch và tham gia hoạt động cụ thể.

b) Nội dung hoạt động: HS đọc ngữ liệu vận dụng SGK; trả lời nhiệm vụ của thể hệ trẻ; nêu một tấm gương; nhóm lập kế hoạch hành động trong trường/lớp.

c) Sản phẩm học tập: Kế hoạch một trang hoặc infographic: vấn đề, mục tiêu, việc làm, người thực hiện, thời gian, minh chứng, tiêu chí đánh giá.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Dự án nhỏ; thiết kế sản phẩm; thuyết trình 60 giây; 3.1.NC1a, NLa/NLc.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Nêu hai câu hỏi SGK và danh mục hành động: tiết kiệm điện/nước; giảm rác; môi trường không khói thuốc; tiêu dùng hàng có nguồn gốc; học kỹ năng số/nghe; quảng bá sản phẩm địa phương có trách nhiệm. Yêu cầu mỗi nhóm chọn một việc vừa sức, thực hiện được trong một tuần.

Hoạt động của học sinh: Trả lời nhanh hai câu; chọn vấn đề; phân vai.

Câu hỏi: Nhiệm vụ của thế hệ trẻ đối với phát triển kinh tế là gì?

Đáp án/dự kiến trả lời: Học tập, rèn luyện sức khỏe, đạo đức, kỹ năng; lao động sáng tạo; chấp hành pháp luật; tiêu dùng có trách nhiệm; bảo vệ môi trường; tham gia hoạt động cộng đồng.

Câu hỏi: Tấm gương thanh niên cần nêu những nội dung nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Việc làm cụ thể, đóng góp kinh tế - xã hội, phẩm chất và bài học cho bản thân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của giáo viên: Kiểm tra tính khả thi; yêu cầu có chỉ báo đo lường; ngăn dự án quá lớn hoặc chỉ khẩu hiệu.

Hoạt động của học sinh: Phân công; lập bản nháp; xác định minh chứng.

Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận

Hoạt động của giáo viên: Mỗi nhóm trình bày 60 giây; nhóm khác đặt một câu hỏi về bằng chứng và một câu hỏi về tính khả thi.

Hoạt động của học sinh: Trình bày; phản biện; chỉnh kế hoạch.

Câu hỏi: Hành động tác động đến mặt kinh tế, xã hội hay môi trường như thế nào?

Đáp án/dự kiến trả lời: Tùy dự án; phải nêu tác động cụ thể, ví dụ tiết kiệm điện giảm chi phí và tài nguyên, môi trường không khói thuốc bảo vệ sức khỏe.

Câu hỏi: Làm sao chứng minh nhóm đã thực hiện chứ không chỉ tuyên truyền?

Đáp án/dự kiến trả lời: Có số liệu trước/sau, ảnh sản phẩm, nhật kí, bảng theo dõi hoặc xác nhận.

Câu hỏi: Nếu AI gợi ý chiến dịch hấp dẫn nhưng không phù hợp điều kiện trường, ai quyết định?

Đáp án/dự kiến trả lời: Học sinh/nhóm dưới sự hướng dẫn của GV; con người chịu trách nhiệm cuối cùng.

Câu hỏi vận dụng: Hành động nhỏ của HS có ý nghĩa gì với tăng trưởng và phát triển?

Đáp án/dự kiến trả lời: Góp phần tiết kiệm nguồn lực, nâng kỹ năng, bảo vệ sức khỏe/môi trường, hình thành hành vi công dân; khi được duy trì và lan tỏa sẽ đóng góp vào phát triển bền vững.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Nhận xét kết quả hoạt động học: Đánh giá theo bốn tiêu chí: đúng kiến thức; tác động thực tế; khả thi; có minh chứng và trách nhiệm.

Kết luận: Toàn bài đã giải quyết mạch kiến thức: tăng trưởng tạo nguồn lực; phát triển chuyển hóa nguồn lực thành cơ cấu tích cực và đời sống tốt hơn; phát triển bền vững đòi hỏi hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường. HS đóng góp bằng học tập, lao động, tiêu dùng có trách nhiệm, bảo vệ môi trường và phản ánh đúng pháp luật.

Chuyển tiếp: Nhóm hoàn thiện sản phẩm trong một tuần; GV đánh giá bằng rubric.

PHỤ LỤC HỌC LIỆU VÀ ĐÁNH GIÁ

PHỤ LỤC 1. PHIẾU QUAN SÁT CLIP

Họ và tên: Lớp:

Tên clip: Bức tranh kinh tế vĩ mô 2025 với nhiều điểm sáng - Nguồn: VTV.

DỮ KIẾN NGHE/NHÌN THẤY	DỮ KIẾN PHẢN ÁNH ĐIỀU GÌ?	ĐIỀU CHƯA ĐỦ ĐỂ KẾT LUẬN
.....		
.....		
.....		
.....		

Kết luận:

.....

Câu hỏi em muốn tìm

hiểu:.....

Gợi ý đáp án Phiếu 1

8, 02%: tốc độ tăng GDP; 514 tỉ USD: quy mô GDP; 5.026 USD: GDP bình quân đầu người.

Các dữ kiện trên phản ánh trực tiếp tăng trưởng kinh tế; chưa phản ánh đầy đủ phân phối thu nhập, tiến bộ xã hội, chuyển dịch cơ cấu theo thời gian và môi trường.

Kết luận phù hợp: kinh tế Việt Nam năm 2025 tăng trưởng khá; chưa được phép chỉ từ ba dữ

liệu này kết luận phát triển toàn diện.

PHỤ LỤC 2. PHIẾU “CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG”

CHỈ TIÊU	KHÁI NIỆM/PHẠM VI	CÁCH XÁC ĐỊNH	Ý NGHĨA	GIỚI HẠN	DỮ LIỆU MINH HỌA
GDP					
GDP/người					
GNI					
GNI/người					

Đáp án trọng tâm

GDP: Giá trị bằng tiền của hàng hóa, dịch vụ cuối cùng sản xuất trên lãnh thổ; quy mô/tốc độ; không phản ánh phân phối.

GDP/người: GDP chia dân số trung bình; mức sản phẩm bình quân/mức sống tương đối; không phải thu nhập của từng người.

GNI: Tổng thu nhập do công dân/chủ thể quốc gia tạo ra trong và ngoài lãnh thổ; có điều chỉnh thu nhập nhân tố với nước ngoài.

GNI/người: GNI chia dân số trung bình; thu nhập bình quân tương đối; không phản ánh đầy đủ phân phối.

PHỤ LỤC 3. THẺ TRÒ CHƠI “XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ”

Luật: Mỗi HS có bốn thẻ A - GDP, B - GDP/người, C - GNI, D - GNI/người. Mỗi lượt 15 giây; đúng lựa chọn 1 điểm, đúng căn cứ 1 điểm.

Câu hỏi: 1. Giá trị hàng hóa, dịch vụ cuối cùng sản xuất trên lãnh thổ.

Đáp án/dự kiến trả lời: A - GDP.

Câu hỏi: 2. GDP chia dân số trung bình.

Đáp án/dự kiến trả lời: B - GDP/người.

Câu hỏi: 3. Thu nhập do công dân tạo ra trong và ngoài lãnh thổ.

Đáp án/dự kiến trả lời: C - GNI.

Câu hỏi: 4. GNI chia dân số trung bình.

Đáp án/dự kiến trả lời: D - GNI/người.

Câu hỏi: 5. Quy mô 514 tỉ USD năm 2025.

Đáp án/dự kiến trả lời: A - GDP.

Câu hỏi: 6. 5.026 USD/người năm 2025.

Đáp án/dự kiến trả lời: B - GDP/người.

PHỤ LỤC 4. PHIẾU “TỪ TĂNG TRƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN”

Phần A. Chọn ba dữ liệu tăng trưởng 2025, viết chuỗi: dữ liệu -> nguồn lực -> vai trò -> điều

kiện để vai trò thành hiện thực.

Phần B. Phân loại: GDP, GDP/người, cơ cấu ngành, năng suất lao động, lao động qua đào tạo,

thu nhập dân cư, nghèo đa chiều, HDI, Gini.

Phần C. Sửa đoạn: “GDP/người 5.026 USD nghĩa là mỗi người Việt Nam nhận được 5.026 USD; vì vậy Việt Nam chắc chắn phát triển toàn diện.”

Gợi ý đáp án

Chuỗi mẫu: GDP tăng -> nguồn lực sản xuất/ngân sách tăng -> tạo điều kiện việc làm, thu nhập, phúc lợi -> cần phân phối, quản lý và đầu tư hiệu quả.

Nhóm tăng trưởng: GDP, GDP/người, GNI, GNI/người. Nhóm cơ cấu: cơ cấu ngành/vùng/thành phần. Nhóm tiến bộ xã hội: HDI, nghèo đa chiều, Gini, thu nhập dân cư. Câu sửa: GDP/người là mức GDP bình quân, không phải số tiền mỗi người nhận; GDP tăng mới chứng minh tăng trưởng, chưa đủ kết luận phát triển toàn diện.

PHỤ LỤC 5. PHIẾU PHÂN BIỆT TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TIÊU CHÍ	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	PHÁT TRIỂN KINH TẾ
Bản chất	Tăng quy mô/tốc độ sản lượng, thu nhập.	Tăng trưởng gắn thay đổi cấu trúc và chuyển biến xã hội tích cực.
Chỉ tiêu	GDP, GDP/người, GNI, GNI/người.	Chỉ tiêu tăng trưởng + cơ cấu + tiến bộ xã hội.
Phạm vi kết quả	Chủ yếu phản ánh lượng/quy mô.	Toàn diện hơn, chú trọng hiệu quả và con người.
Mối quan hệ	Điều kiện cần, tiền đề vật chất.	Chuyển hóa tăng trưởng thành cơ cấu tiến bộ và chất lượng sống.

PHỤ LỤC 6. PHIẾU TÌNH HUỐNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tình huống: Công ty K tăng doanh thu, tạo việc làm, nộp ngân sách nhưng xả nước thải chưa xử lý. Giám đốc cho rằng đóng góp kinh tế có thể bù trừ vi phạm.

KINH TẾ	XÃ HỘI	MÔI TRƯỜNG	GIẢI PHÁP

Gợi ý đáp án

Kinh tế: doanh thu, việc làm, thu ngân sách.

Xã hội: quyền lợi người lao động, sức khỏe cộng đồng, niềm tin.

Môi trường: ô nhiễm nước, suy giảm hệ sinh thái và sinh kế.

Đánh giá: lập luận của Giám đốc sai; đóng góp kinh tế không bù trừ vi phạm.

Giải pháp: dừng xả thải, xử lý và phục hồi, đổi công nghệ, giám sát minh bạch, bảo đảm quyền

lợi người lao động theo pháp luật.

PHỤ LỤC 7. TRÒ CHƠI “ĐÁNH GIÁ NHẬN ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

Luật: Ba thẻ Đúng - Sai - Chưa đầy đủ; chọn đúng 1 điểm, giải thích/sửa đúng 1 điểm.

Câu hỏi: 1. Muốn phát triển bền vững chỉ cần tăng trưởng cao.

Đáp án/dự kiến trả lời: Sai/Chưa đầy đủ: phải gắn với xã hội và môi trường.

Câu hỏi: 2. Phát triển bền vững thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

Đáp án/dự kiến trả lời: Đúng: nâng nguồn nhân lực, ổn định xã hội, bảo vệ tài nguyên.

Câu hỏi: 3. Tăng trưởng và tiến bộ xã hội là đủ, không cần môi trường.

Đáp án/dự kiến trả lời: Sai: thiếu trụ cột môi trường.

Câu hỏi: 4. Nộp thuế đầy đủ có thể thay nghĩa vụ môi trường.

Đáp án/dự kiến trả lời: Sai: hai nghĩa vụ độc lập.

PHỤ LỤC 8. HỆ THỐNG 10 CÂU TRẮC NGHIỆM VÀ GIẢI THÍCH

Câu 1. Chỉ tiêu phản ánh giá trị hàng hóa, dịch vụ cuối cùng được sản xuất trên lãnh thổ một quốc gia là

A. GDP. B. GNI. C. HDI. D. Gini.

Đáp án A. GDP đo theo lãnh thổ.

Câu 2. GDP năm 2025 tăng 8, 02% phản ánh trực tiếp

A. bất bình đẳng. B. tốc độ tăng trưởng. C. cơ cấu. D. nghèo đa chiều.

Đáp án B. 8, 02% là tỉ lệ tăng so với năm trước.

Câu 3. Nhận định đúng về GDP/người là

A. thu nhập từng người. B. công bằng tuyệt đối. C. mức sản phẩm bình quân. D. không thuộc tăng trưởng.

Đáp án C. Đây là GDP chia dân số trung bình.

Câu 4. Nhóm chỉ tiêu tiên bộ xã hội gồm

A. GDP, GNI. B. HDI, nghèo đa chiều, Gini. C. CPI, xuất khẩu. D. dân số, FDI.

Đáp án B. Ba chỉ tiêu phản ánh con người, nghèo và bất bình đẳng.

Câu 5. Phát triển kinh tế là

A. chỉ GDP tăng. B. tăng trưởng gắn cơ cấu và xã hội tích cực. C. chỉ dịch vụ tăng. D. chỉ giảm nghèo.

Đáp án B. Phát triển có ba nhóm nội dung.

Câu 6. Tăng trưởng đối với phát triển là

A. điều kiện cần nhưng chưa đủ. B. điều kiện đủ. C. không liên quan. D. luôn gây ô nhiễm.

Đáp án A. Cần thêm cơ cấu và tiên bộ xã hội.

Câu 7. GDP tăng nhưng Gini tăng mạnh và nghèo không giảm cho thấy

A. phát triển toàn diện. B. chưa bảo đảm tiên bộ xã hội. C. GDP sai. D. cơ cấu hiện đại.

Đáp án B. Phân phối và nghèo chưa cải thiện.

Câu 8. Phát triển bền vững yêu cầu hài hòa

A. sản xuất-phân phối-tiêu dùng. B. GDP-GNI-CPI. C. kinh tế-xã hội-môi trường. D. ba ngành.

Đáp án C. Đây là ba mặt cốt lõi.

Câu 9. Khi phát hiện thông tin ô nhiễm, HS nên

A. xâm nhập doanh nghiệp. B. phát tán ngay. C. thu thập hợp pháp và phản ánh đúng kênh. D. bỏ qua.

Đáp án C. Hành vi công dân phải đúng pháp luật và trung thực.

Câu 10. Khi dùng AI giải thích dữ liệu, HS cần

A. chép nguyên văn. B. kiểm chứng SGK và nguồn chính thức. C. chọn câu dài nhất. D. không ghi nguồn.

Đáp án B. AI chỉ hỗ trợ; con người kiểm soát và chịu trách nhiệm.

PHỤ LỤC 9. GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI TẬP SGK

Bài 1: Chọn các phương án phản ánh mức tăng GDP và mức tăng GNI/người. Lạm phát, dân số và Gini không phải chỉ tiêu tăng trưởng.

Bài 2: Phát triển phải có đủ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu tích cực và tiên bộ xã hội; không tuyệt đối hóa tốc độ hoặc cơ cấu.

Bài 3: Giải thích vai trò qua cơ chế tạo nguồn lực, nâng năng suất, chuyển dịch cơ cấu, đầu tư văn hóa - giáo dục và giảm chênh lệch vùng.

Bài 4: Phát triển bền vững phải hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường; có tác động hai chiều với tăng trưởng.

Vận dụng: Thế hệ trẻ cần học tập, rèn sức khỏe, đạo đức, kỹ năng nghề và số; lao động sáng tạo; tiêu dùng có trách nhiệm; bảo vệ môi trường; tham gia hoạt động cộng đồng; chấp hành và lên tiếng đúng pháp luật.

PHỤ LỤC 10. RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Tiêu chí	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Đúng kiến thức	Liên hệ đúng tăng	Cơ bản đúng, còn	Có nhầm lẫn bản

Tiêu chí	3 điểm	2 điểm	1 điểm
	trưởng, phát triển và bền vững.	thiếu một liên hệ.	chất.
Tính khả thi	Việc làm cụ thể, vừa sức, có thời gian và người thực hiện.	Có việc làm nhưng chưa rõ tiến độ/trách nhiệm.	Chủ yếu là khẩu hiệu.
Tác động và minh chứng	Nêu rõ tác động, chỉ báo trước/sau, minh chứng.	Có tác động nhưng chỉ báo còn chung.	Không có cách kiểm chứng.
Trách nhiệm và hợp tác	Phân công rõ, đúng pháp luật, tôn trọng quyền riêng tư.	Phân công chưa đều hoặc còn thiếu lưu ý.	Thiếu trách nhiệm hoặc rủi ro không được kiểm soát.

PHỤ LỤC 11. BẢNG KIỂM KẾT LUẬN/NHẬN ĐỊNH CỦA GIÁO VIÊN

- ☐ Nhận xét sản phẩm: HS đã làm đúng gì, còn sai/thiếu gì.
- ☐ Nhận xét quá trình: thái độ, hợp tác, trung thực dữ liệu, sử dụng thuật ngữ và phản biện.
- ☐ Chốt rõ vấn đề nhiệm vụ đã giải quyết.
- ☐ Chốt kiến thức cốt lõi để HS ghi nhận; không chỉ ghi “GV chốt”.
- ☐ Nêu lỗi điển hình và cách sửa.
- ☐ Chuyển tiếp rõ sang nhiệm vụ/hoạt động tiếp theo.

PHỤ LỤC 12. NGUỒN HỌC LIỆU

SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 12, Kết nối tri thức với cuộc sống, Bài 1.

VTV, “Bức tranh kinh tế vĩ mô 2025 với nhiều điểm sáng”, phát ngày 05/01/2026.

Cục Thống kê - Bộ Tài chính, “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025”, công bố ngày 05/01/2026.

Đường dẫn clip VTV

Đường dẫn báo cáo Cục Thống kê

BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**Thời lượng: 05 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.
- Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.
- Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, gồm các cấp độ hội nhập và các hoạt động kinh tế đối ngoại cơ bản.

2. Về năng lực

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế; tự đánh giá điểm mạnh, điểm cần rèn luyện và xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với yêu cầu hội nhập.
- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu và đưa ra được các dẫn chứng thực tế về hội nhập kinh tế quốc tế trong một số trường hợp cụ thể; tham gia tuyên truyền việc chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

3. Về phẩm chất

- Trung thực khi khai thác, trích dẫn và báo cáo dữ liệu; không hợp thức hóa hành vi gian lận thương mại, gian lận xuất xứ.
- Có trách nhiệm trong học tập, rèn luyện năng lực hội nhập; tôn trọng pháp luật, bản sắc văn hóa dân tộc và các chuẩn mực quốc tế chung. Có thái độ chủ động, tích cực, không tự ti hoặc sính ngoại; biết lựa chọn, tiếp thu những giá trị tiến bộ phù hợp.

4. Nội dung tích hợp

Năng lực số: Học sinh tìm kiếm, khai thác và đánh giá độ tin cậy của các nguồn chính thống về hội nhập kinh tế quốc tế; đọc, tổ chức và trình bày số liệu về xuất nhập khẩu, FDI, du lịch và các hoạt động kinh tế đối ngoại; ghi nguồn, tạo bảng so sánh hoặc sơ đồ số về các cấp độ hội nhập; tự xác định kỹ năng số cần tiếp tục cải thiện.

- 1.1.NC1b – tìm kiếm thông tin về các cấp độ, hoạt động và kết quả hội nhập;
- 1.2.NC1a – đánh giá độ tin cậy của nguồn và số liệu;
- 1.3.NC1a – tổ chức, lưu trữ, truy xuất thông tin về hội nhập;
- 2.2.NC1c – trích dẫn, ghi nguồn số liệu và dẫn chứng;
- 3.1.NC1a – tạo, chỉnh sửa bảng so sánh, sơ đồ hoặc sản phẩm tuyên truyền số;
- 5.4.NC1a – tự đánh giá nội dung năng lực số cần rèn luyện thêm.

Tích hợp AI: NLc – Các kỹ thuật và ứng dụng AI. Học sinh sử dụng AI để đề xuất từ khóa, tóm tắt khái niệm và sự cần thiết của hội nhập, các cấp độ và hoạt động kinh tế đối ngoại.

- **Phòng, chống tham nhũng:** Giáo dục liêm chính: phê phán gian lận xuất xứ, trục lợi từ ưu đãi, làm sai lệch hồ sơ thương mại.

- **Quyền con người:** liên hệ quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền tiếp cận thông tin chính xác và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng trong quá trình hội nhập; nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước, doanh nghiệp và công dân trong quản lý, cung cấp và sử dụng hàng hóa, dịch vụ an toàn, đúng pháp luật.

- **Phòng, chống tác hại của thuốc lá:** liên hệ việc quản lý sản phẩm thuốc lá, thông tin và hoạt động quảng cáo theo pháp luật; học sinh không sử dụng, không cổ súy hoặc tiếp tay quảng bá sản phẩm thuốc lá, biết lựa chọn và chia sẻ thông tin chính thống để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

- **Đạo đức, lối sống:** giữ gìn bản sắc, tôn trọng sự khác biệt, hợp tác có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

- Máy tính, máy chiếu, loa; đồng hồ đếm ngược; bảng con hoặc thẻ A/B/C; giấy A3/A4, bút dạ.

2. Học liệu

- SGK GDKT&PL 12, bài 2; phiếu học tập theo từng tiết; bộ thẻ phân loại cấp độ và hoạt động hội nhập.

[VTV - Hội nhập tạo động lực cho phát triển kinh tế](#); [Cục Thống kê - Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025](#).

- Tư liệu ngắn hoặc infographic chính thống về quyền được bảo vệ sức khỏe và phòng, chống tác hại của thuốc lá do giáo viên lựa chọn, kiểm tra trước khi sử dụng; chuẩn bị bản in khi không sử dụng thiết bị số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tiết 1: Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.

Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.

- Tiết 2: Liệt kê, phân biệt được các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tiết 3: Liệt kê, phân biệt được các hoạt động kinh tế đối ngoại cơ bản trong hội nhập.

- Tiết 4: Xác định được trách nhiệm bản thân; ủng hộ hành vi chấp hành và phê phán hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập.

- Tiết 5: Hệ thống hóa, luyện tập, vận dụng và đánh giá tổng hợp toàn bộ 05 yêu cầu cần đạt.

TIẾT 1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - KHAI THÁC CLIP (6 phút)

a) Mục tiêu: Nhận diện được các dấu hiệu của hội nhập trong thực tiễn Việt Nam và hình thành câu hỏi học tập. **[Mã năng lực số: 1.2.NC1a]**

b) Nội dung: Học sinh xem đoạn clip VTV khoảng 2 phút 30 giây; ghi nhanh ba chi tiết chứng tỏ kinh tế Việt Nam có quan hệ với kinh tế thế giới.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu quan sát có ít nhất 02 chi tiết đúng và một câu hỏi cần giải quyết.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Quan sát video; kĩ thuật ghi nhanh 3-2-1 rút gọn (3 bằng chứng - 2 lợi ích - 1 câu hỏi).

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV phát phiếu, nêu rõ trong khi xem HS không chép toàn bộ lời bình mà chỉ ghi từ khóa theo ba cột: Dấu hiệu - Lợi ích - Điều còn băn khoăn.

Đáp án/gợi ý: Dấu hiệu có thể gồm: xuất nhập khẩu; tham gia FTA/tổ chức kinh tế; thu hút FDI; doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng; phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS xem clip, ghi cá nhân số liệu/ý chính để HS hoàn thiện phiếu.

Đáp án/gợi ý: Lợi ích: mở rộng thị trường; thu hút vốn/công nghệ; tạo việc làm; nâng cao vị thế.

Học sinh xem clip để nhận biết bối cảnh chung; ghi bằng chứng cụ thể. Mỗi bằng chứng phải gồm từ khóa, chi tiết quan sát được và ý nghĩa đối với hội nhập; học sinh dùng kí hiệu B cho bằng chứng, N cho nhận xét để tránh nhầm lẫn kiến với suy luận.

Học sinh:

- Chọn ít nhất hai chi tiết có yếu tố quan hệ kinh tế với nước ngoài. Giải thích ngắn gọn vì sao chi tiết đó là dấu hiệu hội nhập;

- **đối chiếu tên cơ quan phát hành, thời điểm và nội dung clip.**

Phương án dùng điện thoại: quét mã QR để kiểm tra kênh VTV và thông tin nguồn.

Phương án không dùng điện thoại: sử dụng thẻ nguồn do giáo viên in sẵn. [Mã năng lực số: 1.2.NC1a]

Giáo viên gợi ý câu hỏi: Chi tiết nào cho thấy có sự trao đổi với bên ngoài? và Đây là dữ kiện hay nhận xét?.

Câu hỏi: Chi tiết nào trong clip chứng minh nền kinh tế Việt Nam đang gắn kết với kinh tế thế giới chứ không chỉ đơn thuần tăng trưởng trong nước?

Gợi ý: các dòng hàng hóa, vốn, dịch vụ, chuỗi cung ứng hoặc yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế.

Câu hỏi: Nếu xuất khẩu tăng nhưng tập trung quá lớn vào một thị trường, có thể kết luận chất lượng hội nhập đã cao hay chưa?

Gợi ý: chưa thể kết luận; cần xem mức độ đa dạng hóa thị trường, giá trị gia tăng, khả năng chống chịu và phân bổ lợi ích.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV gọi một HS nêu dấu hiệu, một HS nêu lợi ích, một HS nêu câu hỏi. Lớp bổ sung nhưng không lặp ý.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên đối chiếu phiếu quan sát với nội dung clip, đánh giá khả năng phân biệt bằng chứng với nhận xét, khả năng xác định nguồn và mức độ tham gia của học sinh.

Các dòng hàng hóa, vốn, dịch vụ, công nghệ và việc tuân thủ chuẩn mực quốc tế cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang gắn kết với kinh tế thế giới. Hai vấn đề cần giải quyết là: hội nhập kinh tế quốc tế là gì và vì sao hội nhập cần thiết đối với mọi quốc gia.

- **Chuyển tiếp:** Chuyển sang đọc mục 1 SGK để hình thành khái niệm và giải thích sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (24 phút)

a) Mục tiêu: Nêu được khái niệm và giải thích được sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế. [Mã năng lực số: 1.1.NC1b; Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: Học sinh đọc mục 1 SGK, đối chiếu với bằng chứng từ clip và hoàn thành sơ đồ Bản chất - Nguyên tắc - Sự cần thiết.

c) Sản phẩm học tập: Bảng ba phần, trong đó khái niệm đủ thành tố; phần giải thích có tối thiểu hai lí do và một dẫn chứng.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Đọc tích cực; suy nghĩ - trao đổi cặp đôi - chia sẻ; khai thác thông tin và giải thích.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân 4 phút, sau đó trao đổi cặp đôi 5 phút. Câu hỏi: 1. Nêu khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. 2. Hai nguyên tắc nào phải được bảo đảm? 3. Vì sao hội nhập cần thiết đối với mọi quốc gia? 4. Dùng một chi tiết từ clip hoặc SGK để minh họa. Đáp án/gợi ý: (1) Là quá trình một quốc gia gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, dựa trên chia sẻ lợi ích và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung. (2) Chia sẻ lợi ích; tuân thủ chuẩn mực quốc tế chung. (3) Do toàn cầu hóa, phân công lao động quốc tế và nhu cầu mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, việc làm, thu nhập; với nước đang phát triển còn giúp tiếp cận tài chính, công nghệ, quản lí và rút ngắn khoảng cách. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS gạch chân từ khóa SGK, hoàn thiện phiếu GV hỗ trợ HS phân biệt gắn kết với phụ thuộc một chiều, nhắc không suy diễn rằng hội nhập là mở cửa vô điều kiện. Đáp án/gợi ý: Nêu đúng khái niệm và 02 lợi ích;	1. Khái niệm Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung. 2. Sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế. - Tất yếu khách quan do toàn cầu hóa và phân công lao động quốc tế. - Mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu, thúc đẩy tăng trưởng. - Tạo việc làm, nâng cao thu nhập. - Giúp nước đang phát triển tiếp cận tài chính, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lí; thu

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
mức khá: giải thích quan hệ nguyên nhân - kết quả; mức tốt: có dẫn chứng và chỉ ra hội nhập vừa tạo cơ hội vừa đòi hỏi tuân thủ chuẩn mực. - Học sinh đọc từng đoạn SGK: xác định câu nêu bản chất; khoanh hai nguyên tắc; nối nguyên nhân với lợi ích bằng cấu trúc vì... nên.... Sau đó, từng cặp so sánh sản phẩm và thống nhất câu diễn đạt ngắn gọn nhất. Tích hợp năng lực AI * Đối với điều kiện dùng điện thoại: học sinh nhập câu hỏi : Hãy tóm tắt khái niệm và sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế trong 80 từ, không thêm kiến thức ngoài văn bản rồi đánh dấu nội dung đúng, thiếu hoặc chưa có căn cứ. * Đối với điều kiện không dùng điện thoại: giáo viên cung cấp một câu trả lời AI đã chuẩn bị để học sinh kiểm chứng. Kết luận cuối cùng phải dựa trên SGK, không sao chép nguyên văn kết quả AI. [Mã năng lực số: 1.1.NC1b; Mã năng lực AI: NLc] Giáo viên: Toàn cầu hóa/phân công lao động quốc tế → các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau → cần hợp tác, khai thác lợi thế và nguồn lực. <i>Câu hỏi: Nếu bỏ nội dung chia sẻ lợi ích hoặc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung, khái niệm còn đầy đủ không?</i> Gợi ý: không; hội nhập không chỉ là có quan hệ kinh tế mà là sự gắn kết có nguyên tắc và trách nhiệm. <i>Câu hỏi: Một quốc gia có thị trường lớn, tài nguyên phong phú và năng lực sản xuất cao có thể tự tách khỏi hội nhập không?</i> Gợi ý: vẫn cần hội nhập vì không quốc gia nào có đầy đủ công nghệ, nguồn lực, thị trường và khả năng tự giải quyết mọi vấn đề xuyên quốc gia. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV chọn một cặp trình bày khái niệm, một cặp giải thích sự cần thiết. <i>Câu hỏi: Một quốc gia có tài nguyên phong phú và thị trường lớn có cần hội nhập không? Vì sao?</i> Đáp án/gợi ý: Có. Không quốc gia nào có đầy đủ mọi nguồn lực và công nghệ; phân công lao động	hẹp khoảng cách phát triển.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
quốc tế, thị trường và chuỗi cung ứng tạo sự phụ thuộc lẫn nhau. Hội nhập giúp tận dụng lợi thế, tiếp cận nguồn lực và hợp tác giải quyết vấn đề chung. Bước 4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đối chiếu sản phẩm với từ khóa SGK, đánh giá mức độ nêu đủ các thành tố của khái niệm và khả năng giải thích quan hệ nguyên nhân - kết quả Giáo viên tuyên dương các cặp đọc SGK có chọn lọc, biết phát hiện điểm thiếu hoặc sai trong câu trả lời AI và tự diễn đạt kết luận; lan tỏa cách kiểm chứng thông tin trước khi sử dụng. - Chốt kiến thức: Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung. Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập là tất yếu khách quan, tạo cơ hội mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, việc làm, thu nhập và giúp các nước đang phát triển thu hẹp khoảng cách.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố khái niệm và rèn kỹ năng giải thích ngắn gọn.

b) **Nội dung:** Học sinh dùng bảng A/B để lựa chọn và giải thích ba nhận định.

c) **Sản phẩm học tập:** Ba lựa chọn đúng/sai kèm một câu giải thích có từ khóa SGK.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Phát hiện lỗi/mâu thuẫn; thẻ đúng - sai; giải thích bằng căn cứ.

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV lần lượt chiếu:

(A) Hội nhập là mở cửa hoàn toàn, không được áp dụng bất kì biện pháp quản lí nào.

(B) Hội nhập phải bảo đảm chia sẻ lợi ích và tuân thủ chuẩn mực chung.

(C) Chỉ nước đang phát triển mới cần hội nhập. HS giơ Thẻ Đúng/Sai và viết một lí do.

Đáp án/gợi ý: A sai; B đúng; C sai.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ 30 giây mỗi câu, giơ thẻ đồng thời; GV quan sát nhóm HS chọn khác số đông.

Đáp án/gợi ý: A sai vì hội nhập được thực hiện theo cam kết, lộ trình và pháp luật; B đúng vì là hai nguyên tắc trong khái niệm; C sai vì hội nhập cần thiết với mọi quốc gia.

Với mỗi nhận định, học sinh thực hiện ba thao tác: xác định từ khóa quyết định; đối chiếu với khái niệm hoặc nguyên tắc trong SGK; viết một câu giải thích theo cấu trúc Nhận định... vì.... Chỉ giơ thẻ sau khi đã có lí do.

Giáo viên nhắc học sinh khoanh các từ tuyệt đối và kiểm tra xem SGK có khẳng định như vậy không.

Câu hỏi: Vì sao nhận định B đúng nhưng không có nghĩa mọi chuẩn mực quốc tế đều được áp dụng máy móc?

Gợi ý: quốc gia tham gia trên cơ sở cam kết, lợi ích, lộ trình và pháp luật; việc thực hiện phải phù hợp điều kiện cụ thể.

Câu hỏi: Khi một cam kết quốc tế tạo ra chi phí điều chỉnh ngắn hạn, quốc gia có nên từ bỏ hội nhập ngay không? Gợi ý: cần đánh giá tổng thể lợi ích dài hạn, khả năng điều chỉnh, hỗ trợ nhóm chịu tác động và bảo vệ lợi ích quốc gia.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV mời HS có lựa chọn khác giải thích trước, sau đó mời HS phản biện bằng từ khóa SGK.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên nhận xét mức độ lựa chọn đúng/sai và chất lượng câu giải thích; lưu ý các lỗi suy luận từ những từ tuyệt đối như hoàn toàn, chỉ, hoặc đồng nhất hội nhập với mở cửa không có điều kiện.

- **Chốt kiến thức:** Hội nhập kinh tế quốc tế là sự gắn kết có nguyên tắc, dựa trên chia sẻ lợi ích và tuân thủ chuẩn mực quốc tế chung; không phải mở cửa tùy tiện hoặc lệ thuộc. Hội nhập là cần thiết đối với mọi quốc gia, không chỉ đối với các nước đang phát triển.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: Liên hệ khái niệm với một sản phẩm/dịch vụ quen thuộc. [**Mã năng lực AI: NLc**]

b) Nội dung: Mỗi HS chọn một sản phẩm hoặc dịch vụ đang sử dụng và viết 3 câu:

- Có yếu tố quốc tế nào?

- Lợi ích gì?

- Yêu cầu/chuẩn mực nào cần tuân thủ?

c) Sản phẩm học tập: Phiếu 3 câu, đúng trọng tâm, không yêu cầu tra cứu dài.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Viết một phút; liên hệ thực tiễn; tự kiểm tra theo ba tiêu chí.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa mẫu: Điện thoại/du lịch/ứng dụng số... có yếu tố quốc tế ở...; lợi ích...; cần tuân thủ....

Đáp án/gợi ý: Ví dụ: du lịch quốc tế tạo nguồn thu ngoại tệ và việc làm; doanh nghiệp phải tuân thủ quy định về dịch vụ, an toàn, thuế và bảo vệ khách hàng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết trong 3 phút; GV hỗ trợ bằng từ khóa.

Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ: Học sinh chọn một sản phẩm hoặc dịch vụ gần gũi, xác định yếu tố quốc tế bằng một bằng chứng cụ thể, sau đó nêu lợi ích và yêu cầu phải tuân thủ. Sản phẩm chỉ được chấp nhận khi ba câu có quan hệ logic với nhau, không viết ba ý rời rạc.

Nhiệm vụ tích hợp AI: Phương án dùng điện thoại hoặc thực hiện ở nhà: học sinh có thể yêu cầu AI gợi ý các tiêu chuẩn, quy định hoặc rủi ro liên quan đến sản phẩm đã chọn; sau đó kiểm tra lại bằng SGK hoặc nguồn chính thống và chỉ giữ nội dung đã xác minh. Phương

án không dùng điện thoại: sử dụng bộ từ khóa do giáo viên cung cấp. [Mã năng lực AI: NLc]

Giáo viên gợi ý xem xét nguyên liệu, công nghệ, vốn, vận tải, thanh toán, tiêu chuẩn và thị trường.

Câu hỏi: Một sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam có thể chứa nhiều yếu tố hội nhập hay không?

Gợi ý: có; có thể sử dụng nguyên liệu, công nghệ, vốn, dịch vụ vận tải, thanh toán hoặc thị trường quốc tế.

Câu hỏi: Làm thế nào để tận dụng lợi ích của sản phẩm, dịch vụ quốc tế mà vẫn bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và lợi ích quốc gia?

Gợi ý: lựa chọn có hiểu biết, tuân thủ pháp luật, kiểm soát chất lượng, bảo vệ dữ liệu và phát triển năng lực sản xuất trong nước.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Hai HS đọc sản phẩm; GV thu phiếu để phân loại mức độ

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá sản phẩm theo ba tiêu chí: có bằng chứng về yếu tố quốc tế, nêu đúng lợi ích và chỉ ra yêu cầu hoặc chuẩn mực cần tuân thủ; nhắc học sinh không giữ lại gợi ý của AI khi chưa kiểm chứng.

- Giáo viên tuyên dương các ví dụ gần gũi, có quan hệ logic và thể hiện thái độ tiêu dùng, sử dụng dịch vụ có trách nhiệm; lựa chọn một số sản phẩm tốt để chia sẻ cho lớp.

- Chốt kiến thức: Một sản phẩm hoặc dịch vụ trong đời sống có thể chứa nhiều yếu tố hội nhập như nguyên liệu, công nghệ, vốn, vận tải, thanh toán và thị trường. Tận dụng lợi ích hội nhập phải đi đôi với tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn, bảo vệ người tiêu dùng và lợi ích quốc gia.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Chuẩn bị các ví dụ về quan hệ song phương, khu vực và toàn cầu cho tiết 2.

TIẾT 2. CÁC CẤP ĐỘ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - TRÒ CHƠI TÌM HIỂU CÁC CẤP ĐỘ HỘI NHẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Nhận diện được tiêu chí phân loại sơ bộ các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế qua một số tổ chức, hiệp định Việt Nam tham gia.

b) Nội dung: HS quan sát 4 tên/logo: một hiệp định giữa Việt Nam với một quốc gia, AEC/ASEAN, EVFTA/CPTPP, WTO; dự đoán cách phân nhóm.

c) Sản phẩm học tập: Bảng con ghi tên nhóm dự kiến: hai nước - một khu vực/nhóm đối tác - toàn cầu.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trò chơi nhận diện; dự đoán - kiểm chứng; câu hỏi tiêu chí.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV nêu luật: mỗi hình xuất hiện 15 giây

HS ghi S/K/T tương ứng song phương (S), khu vực (K), toàn cầu (T)

đúng 1 điểm; không trừ điểm.

Đáp án/gợi ý:

Ví dụ hiệp định Việt Nam - Hàn Quốc: S;

AEC/CPTPP/EVFTA theo cách phân loại SGK: K;

WTO: T.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi độc lập; không trao đổi để GV kiểm tra kiến thức nền.

- Học sinh quan sát từng tên/logo, không dựa vào việc đã thuộc đáp án mà xác định chủ thể tham gia và phạm vi liên kết. Trước khi ghi S/K/T, học sinh tự trả lời: Liên kết giữa hai quốc gia, một nhóm/khu vực hay phạm vi toàn cầu?.

- Giáo viên cung cấp thẻ tiêu chí chủ thể - phạm vi - cơ chế để học sinh đối chiếu.

Câu hỏi: Vì sao EVFTA được xếp theo cấp độ khu vực trong cách phân loại dù tên hiệp định có Việt Nam và EU?

- Gợi ý: một bên là Liên minh châu Âu gồm nhiều quốc gia, thể hiện liên kết với một khối/khu vực.

Câu hỏi: Nếu một tổ chức có số thành viên chưa nhiều nhưng hướng tới phạm vi toàn cầu, có thể chỉ dựa vào số lượng thành viên để phân loại không?

Gợi ý: không; cần căn cứ phạm vi, chủ thể và cơ chế liên kết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS giơ bảng; GV không công bố ngay toàn bộ, hỏi: Tiêu chí nào giúp em phân loại?

Đáp án/gợi ý: Phạm vi chủ thể tham gia: hai quốc gia; nhiều quốc gia trong một khu vực/nhóm liên kết; tổ chức có phạm vi toàn cầu.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét kết quả trò chơi, tập trung đánh giá việc học sinh sử dụng tiêu chí chủ thể, phạm vi và cơ chế liên kết thay vì đoán theo tên viết tắt hoặc vị trí địa lí.

- Chốt kiến thức: Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện ở ba cấp độ: song phương, khu vực và toàn cầu. Muốn phân biệt đúng phải căn cứ vào chủ thể tham gia, phạm vi và cơ chế liên kết; tên tổ chức hoặc hiệp định chỉ là ví dụ minh họa.

- Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ: Chuyển sang hoạt động nhóm để làm rõ đặc điểm, cách thực hiện, ví dụ và ý nghĩa của từng cấp độ.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

a) Mục tiêu: Liệt kê và phân biệt được ba cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế; nêu được ví dụ, ý nghĩa. [Mã năng lực số: 1.1.NC1b; Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: Lớp chia 3 nhóm ngồi cố định. Mỗi nhóm nghiên cứu một cấp độ theo cùng mẫu; sau đó báo cáo luân phiên, các nhóm còn lại hoàn thiện bảng chung.

c) Sản phẩm học tập: Bảng so sánh đủ 4 tiêu chí: chủ thể/phạm vi - cách thực hiện - ví dụ - ý nghĩa.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Thảo luận nhóm - báo cáo luân phiên; xây dựng bảng so sánh; kiểm chứng nguồn và AI.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1 nghiên cứu hội nhập song phương Nhóm 2 hội nhập khu vực Nhóm 3 hội nhập toàn cầu. Mỗi nhóm trả lời: (1) Liên kết giữa những chủ thể nào? (2) Thực hiện bằng cách nào? (3) Một ví dụ Việt Nam? (4) Một lợi ích nổi bật? Thời gian 8 phút; phân công trưởng nhóm, thư kí, người báo cáo, người kiểm tra SGK. Đáp án/gợi ý: Song phương: hai quốc gia, hiệp định/hợp tác trực tiếp, dễ thỏa thuận ưu đãi phù hợp. Khu vực: nhiều quốc gia trong khu vực hoặc có mục tiêu/lợi ích chung thông qua tổ chức, diễn đàn, hiệp định. Toàn cầu: tham gia tổ chức kinh tế phạm vi thế giới; sâu rộng nhất, mở thị trường toàn cầu. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK, ghi phiếu. Đáp án/gợi ý: Ví dụ SGK: song phương - quan hệ/hiệp định giữa Việt Nam với một quốc gia; khu vực - AEC, APEC, CPTPP, EVFTA; toàn cầu - WTO, IMF. - Mỗi nhóm đọc đúng phần SGK được giao, đánh dấu bốn loại thông tin bằng bốn kí hiệu: CT (chủ thể/phạm vi), TH (cách thực hiện), VD (ví dụ), YN (ý nghĩa). Người kiểm tra SGK chịu trách nhiệm chỉ ra dòng căn cứ cho từng ý trước khi nhóm ghi vào bảng. *Tích hợp số và AI: - Đối với điều kiện dùng điện thoại: nhóm tìm một ví dụ chính thống và có thể yêu cầu AI đề xuất cách so sánh ba cấp độ; nhóm phải kiểm chứng tên hiệp định/tổ chức và sửa mọi điểm không phù hợp với SGK. - Đối với điều kiện không dùng điện thoại: giáo viên phát bộ hồ sơ ví dụ và bản trả lời AI giả định để nhóm phát hiện lỗi. [Mã năng lực số: 1.1.NC1b; Mã năng lực AI: NLc] - Học sinh có thể nhầm cấp độ với hoạt động kinh	2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo nhiều cấp độ khác nhau: hội nhập song phương, hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu Các quan hệ kinh tế quốc tế cũng có nhiều mức độ từ thấp đến cao: thuận thương mại ưu đãi, khu vực mậu dịch tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế – tiền tệ Về hình thức, hội nhập kinh tế quốc tế là toàn bộ các hoạt động kinh tế đối ngoại của quốc gia với nhiều hình thức đa dạng như: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, dịch vụ thu ngoại tệ. a. Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế Hội nhập song phương Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau nhằm thiết lập và phát triển quan hệ giữa hai bên, góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước. Hình thức này được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hội nhập khu vực Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí,

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
tế đối ngoại. Giáo viên: Nội dung này trả lời câu hỏi hội nhập với ai/phạm vi nào, hay trả lời hoạt động gì đang diễn ra?. Câu hỏi: Ba cấp độ giống nhau ở điểm nào và khác nhau ở tiêu chí cốt lõi nào? Gợi ý: đều là sự gắn kết kinh tế có nguyên tắc; khác chủ yếu ở phạm vi, chủ thể và cơ chế liên kết. Câu hỏi: Tham gia đồng thời nhiều cấp độ giúp giảm rủi ro phụ thuộc nhưng có thể tạo thách thức gì? Gợi ý: yêu cầu thực hiện nhiều cam kết, nâng năng lực cạnh tranh, điều phối chính sách và xử lý khác biệt tiêu chuẩn. GV mở rộng: Bên cạnh cách phân chia hội nhập theo phạm vi gồm song phương, khu vực và toàn cầu, các liên kết kinh tế còn có thể được xem xét theo mức độ cam kết từ thấp đến cao: 1. Thỏa thuận thương mại ưu đãi. 2. Hiệp định thương mại tự do. 3. Liên minh thuế quan. 4. Thị trường chung. 5. Liên minh kinh tế. Hỏi: Hãy sắp xếp các hình thức sau theo mức độ liên kết kinh tế từ thấp đến cao: thị trường chung, liên minh kinh tế, hiệp định thương mại tự do, liên minh thuế quan, thỏa thuận thương mại ưu đãi. Gợi ý: Thỏa thuận thương mại ưu đãi → Hiệp định thương mại tự do → Liên minh thuế quan → Thị trường chung → Liên minh kinh tế. Hỏi: Điểm khác biệt cơ bản giữa hiệp định thương mại tự do và liên minh thuế quan là gì? Gợi ý: -Trong hiệp định thương mại tự do, các thành viên xóa bỏ phần lớn hàng rào thương mại nội khối nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng đối với các nước ngoài khối. -Trong liên minh thuế quan, ngoài việc xóa bỏ hàng rào Hỏi: Mức độ liên kết kinh tế từ thấp đến cao” khác với “các cấp độ hội nhập song phương, khu vực và toàn cầu” như thế nào? Gợi ý: Song phương, khu vực, toàn cầu phản ánh chủ thể và phạm vi hội nhập, trả lời câu hỏi: <i>Hội nhập với</i>	văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế. Giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới. Hội nhập toàn cầu Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu. Đây là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới, tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu Ví dụ: Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<i>ai và trong phạm vi nào?</i> Thỏa thuận thương mại ưu đãi, FTA, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh kinh tế phản ánh độ sâu của cam kết, trả lời câu hỏi: <i>Các bên liên kết với nhau ở mức độ sâu đến đâu?</i> Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Mỗi nhóm báo cáo tối đa 2 phút. Sau mỗi báo cáo, nhóm khác đặt một câu hỏi làm rõ. Câu hỏi: Đã tham gia WTO, vì sao Việt Nam vẫn tham gia hiệp định song phương và khu vực? Đáp án/gợi ý: Vì các cấp độ bổ sung cho nhau; phạm vi, mức độ cam kết và ưu đãi khác nhau. Tham gia nhiều cấp độ giúp đa dạng hóa đối tác, mở rộng thị trường, khai thác lợi ích phù hợp và giảm rủi ro phụ thuộc vào một thị trường. Bước 4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá bảng so sánh theo tiêu chí: đúng chủ thể/phạm vi, đúng cách thực hiện, ví dụ phù hợp và nêu được ý nghĩa; sửa lỗi coi hội nhập khu vực chỉ dựa vào sự gần nhau về địa lý hoặc nhầm cấp độ với hoạt động kinh tế đối ngoại. - Chốt kiến thức: Hội nhập song phương là liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền; hội nhập khu vực là liên kết giữa nhiều quốc gia trong khu vực hoặc nhóm có mục tiêu, lợi ích chung; hội nhập toàn cầu là liên kết thông qua các tổ chức kinh tế có phạm vi toàn cầu và là cấp độ sâu rộng nhất. Các cấp độ bổ sung cho nhau trong tiến trình hội nhập. - Ngoài cách phân chia theo phạm vi gồm song phương, khu vực và toàn cầu, liên kết kinh tế có thể phát triển từ mức độ thấp đến cao: thỏa thuận thương mại ưu đãi, hiệp định thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung và liên minh kinh tế. (Đây là nội dung mở rộng giúp học sinh hiểu sâu hơn, không thay thế nội dung kiến thức cần đạt của bài và không yêu cầu học sinh ghi nhớ toàn bộ)	Mức độ từ thấp đến cao: Thỏa thuận thương mại ưu đãi: là phương thức thấp nhất của hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng có lịch sử hình thành lâu đời nhất. Theo phương thức này, các quốc gia/vùng lãnh thổ tham gia các thỏa thuận/hiệp định, cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hoá của nhau, tạo thành các ưu đãi thương mại. Hiệp định thương mại tự do: là thỏa thuận giữa các bên tham gia nhằm xoá bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định. Liên minh thuế quan: là hình thức xoá bỏ thuế quan và những hàng rào phi thuế quan đối với những hàng hoá, dịch vụ trong quan hệ buôn bán của các nước thành viên, đồng thời thiết lập và áp dụng một biểu thuế quan chung của các nước thành viên với các

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
	nước khác. Thị trường chung: được thành lập bởi các quốc gia trong cùng khu vực địa lí để thúc đẩy tự do thương mại, tự do di chuyển lao động và vốn giữa các thành viên. Liên minh kinh tế: là hình thức các bên tham gia hình thành thị trường chung đồng thời xây dựng chính sách kinh tế chung, thực hiện những mục tiêu chung cho toàn liên minh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** củng cố khả năng phân loại và sử dụng tiêu chí thay vì học thuộc tên.

b) **Nội dung:** HS phân loại 6 thẻ sự kiện và giải thích 2 thẻ GV chỉ định.

c) **Sản phẩm học tập:** Bảng phân loại đúng và hai câu giải thích.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Phân loại thẻ; kiểm tra chéo cặp đôi; phát hiện và sửa lỗi.

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV phát 6 thẻ:

- (1) Việt Nam và một quốc gia kí hiệp định thương mại
- (2) AEC
- (3) APEC
- (4) CPTPP
- (5) WTO
- (6) IMF. HS xếp vào 3 cột.

Đáp án/gợi ý: Song phương: 1. Khu vực: 2, 3, 4. Toàn cầu: 5, 6.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm cặp đôi 3 phút; mỗi cặp phải viết tiêu chí giải thích cho một thẻ, không chỉ ghi đáp án.

Mỗi cặp đặt thẻ vào cột dự kiến, sau đó viết dưới một thẻ câu giải thích gồm tiêu chí và căn cứ. Hai học sinh đổi vai: một người giải thích, một người tìm điểm chưa chặt chẽ và yêu cầu sửa.

Giáo viên nhắc phân biệt tổ chức phạm vi thế giới với liên kết của một khu vực hoặc một nhóm đối tác.

Câu hỏi: APEC và CPTPP có cơ chế hoạt động khác nhau nhưng vì sao đều được xếp vào cấp độ khu vực theo SGK?

Gợi ý: đều là liên kết giữa nhiều quốc gia trong một khu vực/nhóm có lợi ích và mục tiêu chung.

Câu hỏi: Một hiệp định giữa Việt Nam và năm quốc gia ở các châu lục khác nhau nên phân loại thế nào?

Gợi ý: căn cứ đó là liên kết giữa nhiều quốc gia/nhóm đối tác, không căn cứ duy nhất vào sự gần nhau về địa lí.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV gọi hai cặp có cách xếp khác nhau; yêu cầu đối chiếu SGK.

Đáp án/gợi ý: CPTPP thuộc hội nhập khu vực

WTO/IMF là tổ chức phạm vi toàn cầu.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét độ chính xác của bảng phân loại và câu giải thích; sửa lỗi cho rằng mọi hiệp định có nhiều thành viên đều thuộc cấp độ toàn cầu hoặc chỉ căn cứ vào sự gần nhau về địa lí.

- Chốt kiến thức: Phân loại cấp độ hội nhập phải dựa vào phạm vi, chủ thể và cơ chế liên kết: song phương là giữa hai quốc gia; khu vực là giữa nhiều quốc gia trong khu vực hoặc nhóm có mục tiêu, lợi ích chung; toàn cầu là thông qua tổ chức kinh tế có phạm vi toàn cầu.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG - QUAN HỆ HỘI NHẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Biết liên hệ các cấp độ với vị thế của Việt Nam. [Mã năng lực số: 2.2.NC1c; Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: HS hoàn thiện sơ đồ ba vòng: Việt Nam - song phương - khu vực - toàn cầu bằng tối thiểu một ví dụ mỗi vòng.

c) Sản phẩm học tập: Sơ đồ 3 vòng đúng và rõ.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Sơ đồ hóa; đánh giá đồng đẳng; trích dẫn nguồn.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV phát mẫu nửa trang; HS điền một ví dụ tại lớp, hoàn thiện ở nhà bằng nguồn SGK/chính thống.

Đáp án/gợi ý:

Ví dụ: song phương - quan hệ/hiệp định với Nhật Bản hoặc Hàn Quốc

Khu vực - AEC/CPTPP

Toàn cầu - WTO.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS điền và đánh dấu nguồn.

Học sinh điền mỗi vòng bằng một ví dụ, ghi tên nguồn ngay dưới ví dụ và dùng mũi tên chú thích lợi ích nổi bật. Khi kiểm tra chéo, bạn học phải xác nhận cả ba yêu cầu: đúng cấp độ, đúng tên, có nguồn.

*** Tích hợp số và AI:**

- Phương án dùng điện thoại hoặc làm ở nhà: học sinh tìm ví dụ bằng từ khóa có giới hạn miền trang chính thống; có thể yêu cầu AI gợi ý ví dụ nhưng phải mở nguồn để xác minh. - Phương án không dùng điện thoại: chọn trong danh mục nguồn và thẻ thông tin giáo viên cung cấp. [Mã năng lực số: 2.2.NC1c; Mã năng lực AI: NLc]

Giáo viên minh họa cách trích dẫn ngắn: tên cơ quan/tổ chức - tên tài liệu - năm hoặc ngày truy cập.

Câu hỏi: Bản đồ ba vòng cho biết điều gì về phạm vi quan hệ hội nhập của Việt Nam?

Gợi ý: Việt Nam tham gia đồng thời các quan hệ song phương, khu vực và toàn cầu.

Câu hỏi: Bản đồ có nhiều ví dụ đã đủ chứng minh mức độ hội nhập sâu và hiệu quả chưa?

Gợi ý: chưa; cần xem chất lượng cam kết, năng lực thực hiện, lợi ích, chi phí và tác động thực tế.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Hai HS đổi phiếu kiểm tra chéo theo tiêu chí đúng cấp độ - có nguồn.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên đánh giá sơ đồ theo các tiêu chí: đúng cấp độ, đúng tên ví dụ, có nguồn và nêu được lợi ích nổi bật; sửa các ví dụ đặt sai vòng hoặc thiếu căn cứ..

- **Chốt kiến thức:** Việt Nam tham gia đồng thời hội nhập song phương, khu vực và toàn cầu. Ba cấp độ trả lời câu hỏi hội nhập với ai và trong phạm vi nào; nhiều cấp độ bổ sung cho nhau, giúp đa dạng hóa đối tác, mở rộng thị trường và giảm rủi ro phụ thuộc.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Chuẩn bị tiết 3 với câu hỏi: ở mỗi cấp độ, hội nhập được thực hiện bằng những hoạt động kinh tế đối ngoại nào?

TIẾT 3. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI TRONG HỘI NHẬP

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU (5 phút)

a) Mục tiêu: Nhận diện các hoạt động kinh tế đối ngoại từ số liệu chính thức. [**Mã năng lực số: 1.2.NC1a**]

b) Nội dung: GV chiếu dữ kiện năm 2025; HS gắn nhãn hàng hóa - vốn - dịch vụ.

c) Sản phẩm học tập: Ba nhãn đúng và một nhận xét sơ bộ.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Đọc dữ liệu nhanh; nghĩ - viết - chia sẻ; giới hạn kết luận theo bằng chứng.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chiếu: tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 930,05 tỉ USD; khách quốc tế gần 21,2 triệu lượt; vốn đầu tư nước ngoài/FDI xuất hiện trong clip; lao động/dịch vụ quốc tế.

HS xác định dữ kiện thuộc trao đổi hàng hóa, di chuyển vốn hay cung ứng dịch vụ.

Đáp án/gợi ý:

Xuất nhập khẩu: thương mại quốc tế

FDI: đầu tư quốc tế; du lịch/lao động/vận tải/thanh toán quốc tế

Dịch vụ thu ngoại tệ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi H/V/D vào bảng con/ hoặc phiếu.

Học sinh đọc theo thứ tự: tên chỉ tiêu - đơn vị - thời gian - nguồn - nội dung phản ánh. Sau đó mới gắn nhãn H/V/D và viết một nhận xét không vượt quá dữ liệu được cung cấp.

*** Tích hợp số:**

- Phương án dùng điện thoại: mở đường dẫn chính thức để kiểm tra tiêu đề bảng và thời điểm công bố.

- Phương án không dùng điện thoại: sử dụng ảnh chụp bảng số liệu có ghi rõ nguồn. **[Mã năng lực số: 1.2.NC1a]**

Giáo viên yêu cầu gạch chân đúng từ tổng và giới hạn nhận xét ở mức dữ liệu cho phép.

Câu hỏi: Vì sao tổng kim ngạch xuất nhập khẩu không đồng nghĩa với giá trị nền kinh tế được hưởng?

Gợi ý: còn phụ thuộc nhập khẩu, giá trị gia tăng trong nước, chi phí, cơ cấu doanh nghiệp và phân bổ lợi ích.

Câu hỏi: Cần bổ sung dữ liệu nào để đánh giá chất lượng hội nhập chứ không chỉ quy mô?

Gợi ý: giá trị gia tăng, thị trường, công nghệ, việc làm, môi trường, năng lực doanh nghiệp và mức độ thực hiện cam kết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV hỏi: các nhóm dữ kiện này có phải là ba cấp độ hội nhập không?

Đáp án/gợi ý: Không. Đây là các hoạt động kinh tế đối ngoại; cấp độ trả lời phạm vi liên kết, còn hoạt động trả lời cách thức kinh tế diễn ra.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét khả năng đọc đúng tên chỉ tiêu, đơn vị, thời gian và nguồn; sửa lỗi đồng nhất tổng kim ngạch với xuất khẩu hoặc dùng một số liệu về quy mô để kết luận ngay về hiệu quả hội nhập.

- Chốt kiến thức/nội dung: Các dữ kiện về xuất nhập khẩu, FDI, du lịch, lao động, vận tải hoặc thanh toán phản ánh các hoạt động kinh tế đối ngoại, không phải các cấp độ hội nhập. Ba hoạt động cơ bản cần tìm hiểu là thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và các dịch vụ thu ngoại tệ.

- **Chuyển tiếp:** Chuyển sang khai thác SGK để nêu khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của từng hoạt động.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

a) Mục tiêu: Liệt kê, phân biệt các hoạt động kinh tế đối ngoại và phân tích được ý nghĩa đối với Việt Nam. **[Mã năng lực số: 1.3.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]**

b) Nội dung: Ba nhóm cố định đọc ba mẫu thông tin SGK/dữ liệu: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, dịch vụ thu ngoại tệ;

Hoàn thành bảng: Khái niệm - Biểu hiện - Ý nghĩa - Ví dụ.

c) Sản phẩm học tập: Bảng phân tích có thuật ngữ đúng, ví dụ thực tế và một nhận xét về cơ hội/thách thức.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Thảo luận nhóm - báo cáo luân phiên; đọc thông tin theo kí hiệu; xây dựng bảng chung; kiểm chứng tóm tắt AI.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	* Các hoạt động kinh tế đối ngoại

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Nhóm A: thương mại quốc tế; Nhóm B: đầu tư quốc tế Nhóm C: dịch vụ thu ngoại tệ. Câu hỏi chung: (1) Hoạt động là gì? (2) Tạo lợi ích nào? (3) Dữ liệu nào minh họa? (4) Từ dữ liệu, Việt Nam cần chú ý điều gì để hội nhập hiệu quả? Đáp án/gợi ý: Thương mại: trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia qua xuất nhập khẩu; mở sản xuất, tiêu dùng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy tăng trưởng. Đầu tư: di chuyển vốn giữa các quốc gia nhằm lợi ích các bên; bổ sung vốn, công nghệ, việc làm, nhân lực, quản lí. Dịch vụ thu ngoại tệ: du lịch, vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, lao động, thanh toán, tín dụng...; tạo ngoại tệ, việc làm, thu nhập. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc mẫu thông tin, khoanh dữ kiện, ghi bảng A3. - Số liệu lớn tự động đồng nghĩa hiệu quả cao chưa? Đáp án/gợi ý: Chưa. Cần xem giá trị gia tăng, năng lực doanh nghiệp trong nước, chất lượng việc làm, công nghệ, môi trường, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn và phân bổ lợi ích. - Mỗi nhóm đọc ngữ liệu, khoanh câu nêu bản chất hoạt động, gạch dưới lợi ích và đóng khung điều kiện/rủi ro. Nhóm hoàn thành bảng theo nguyên tắc mỗi ý phải có căn cứ; người báo cáo trình bày bằng quan hệ hoạt động - cơ chế - lợi ích - điều kiện. *Tích hợp số và AI: - Phương án dùng điện thoại: học sinh tổ chức dữ liệu vào bảng chung và yêu cầu AI tóm tắt từng hoạt động trong 60 từ; nhóm so sánh với SGK, chỉ ra ít nhất một điểm cần sửa hoặc bổ sung. - Phương án không dùng điện thoại: dùng bảng giấy và bản tóm tắt AI do giáo viên in. [Mã năng lực số: 1.3.NC1a; Mã năng lực	Thương mại quốc tế Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyển giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thể hiện kết quả hội nhập của mỗi quốc gia. Năm 2025 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỉ USD. Đầu tư quốc tế Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lí tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam. Dịch vụ thu ngoại tệ Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... Có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế. Một số hoạt động còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như du lịch, thông tin liên lạc.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
AI: NLc] - Giáo viên yêu cầu bắt đầu mỗi câu bằng tên hoạt động và động từ thể hiện bản chất: trao đổi, di chuyển vốn, cung ứng dịch vụ. Câu hỏi: Thương mại quốc tế và dịch vụ thu ngoại tệ có điểm giao nhau nhưng vì sao vẫn tách hoạt động thương mại quốc tế và dịch vụ thu ngoại tệ? Gợi ý: nhằm làm rõ các hình thức tạo nguồn thu, dòng giao dịch và ý nghĩa đặc thù; cần dùng đúng cách phân loại Câu hỏi: Việc thu hút FDI tăng có phải lúc nào cũng mang lại lợi ích cho nước tiếp nhận đầu tư hay không? Vì sao? ➔Không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích. FDI có thể bổ sung nguồn vốn, tạo việc làm, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực quản lí. Tuy nhiên, hiệu quả của FDI còn phụ thuộc vào chất lượng dự án, mức độ liên kết với doanh nghiệp trong nước, khả năng chuyển giao công nghệ, tác động đến môi trường và việc tuân thủ pháp luật. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Mỗi nhóm trình bày 60-90 giây. Câu hỏi:Năm 2025 khu vực FDI chiếm tỉ trọng lớn trong xuất khẩu. Điều này cho thấy cơ hội và yêu cầu gì? Đáp án/gợi ý: Cơ hội: vốn, công nghệ, việc làm, thị trường, chuỗi cung ứng. Yêu cầu: tăng liên kết với doanh nghiệp trong nước, nâng năng lực công nghệ và giá trị gia tăng, phát triển nhân lực, tránh chỉ dựa vào khu vực FDI. Bước 4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá bảng của các nhóm về độ chính xác của khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và ví dụ; sửa lỗi chỉ kể số liệu, nhầm hoạt động với cấp độ hoặc kết luận hiệu quả cao chỉ vì quy mô lớn. - Chốt kiến thức: Thương mại quốc tế là hoạt động trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu; đầu tư quốc tế là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
lại lợi ích cho các bên; các dịch vụ thu ngoại tệ gồm du lịch, vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, lao động, thanh toán, tín dụng,... tạo nguồn thu ngoại tệ, việc làm và thu nhập. Hiệu quả của các hoạt động phụ thuộc vào năng lực nội tại, chất lượng dự án và việc tuân thủ cam kết, pháp luật.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP - TRÒ CHƠI PHÂN LOẠI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI (10 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố khả năng phân loại hoạt động và nêu tác dụng.

b) Nội dung: Mỗi đội phân loại 9 thẻ vào ba cột, sau đó chọn một thẻ giải thích tác dụng.

c) Sản phẩm học tập: Bảng phân loại 9 thẻ và một lời giải thích.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trò chơi phân loại; giải thích tiêu chí; tìm lỗi sai.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Luật: mỗi bàn là một đội; 3 phút xếp 9 thẻ; đúng mỗi thẻ 1 điểm; lời giải thích đúng, rõ thêm 2 điểm; đội chỉ được sửa trước khi hết giờ.

Thẻ: xuất khẩu gạo, nhập máy móc, FDI xây nhà máy, doanh nghiệp Việt đầu tư ra nước ngoài, khách quốc tế, vận tải quốc tế, lao động có thời hạn ở nước ngoài, thanh toán quốc tế, nhập khẩu dịch vụ phần mềm.

Đáp án/gợi ý:

Thương mại: xuất khẩu gạo, nhập máy móc, nhập khẩu dịch vụ phần mềm.

Đầu tư: FDI xây nhà máy, doanh nghiệp Việt đầu tư ra nước ngoài.

Dịch vụ thu ngoại tệ: khách quốc tế, vận tải quốc tế, lao động ở nước ngoài, thanh toán quốc tế.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS xếp thẻ; GV quan sát, không gợi ý đáp án.

Học sinh xếp thẻ theo bản chất giao dịch, không dựa vào từ khóa bề mặt. Sau khi xếp, nhóm chọn một thẻ dễ nhầm, viết câu giải thích và nêu dấu hiệu giúp loại trừ hai nhóm còn lại.

Giáo viên gợi ý xác định chiều dòng tiền: đây là mua dịch vụ từ nước ngoài, thuộc thương mại quốc tế.

Câu hỏi: Vì sao lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài được xếp vào dịch vụ thu ngoại tệ trong phạm vi bài học?

Gợi ý: hoạt động cung ứng sức lao động/dịch vụ ra nước ngoài tạo nguồn thu ngoại tệ.

Câu hỏi: Một dự án khách sạn có vốn nước ngoài và phục vụ khách quốc tế liên quan một hay nhiều hoạt động kinh tế đối ngoại?

Gợi ý: có thể liên quan đầu tư quốc tế và dịch vụ thu ngoại tệ; cần tách từng giao dịch để phân loại.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đội cao điểm giải thích một thẻ; đội khác có quyền chất vấn nếu có căn cứ SGK.

Đáp án/gợi ý: Ví dụ lao động ở nước ngoài thuộc dịch vụ thu ngoại tệ vì tạo thu nhập và kiều hối/nguồn ngoại tệ.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét kết quả xếp thẻ và lời giải thích, sửa lỗi nhầm nhập khẩu máy móc với đầu tư quốc tế hoặc nhập khẩu dịch vụ phần mềm với dịch vụ thu ngoại tệ.

- Chốt kiến thức: Thương mại quốc tế là trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu; đầu tư quốc tế là sự di chuyển vốn giữa các quốc gia; dịch vụ thu ngoại tệ gồm những dịch vụ quốc tế tạo nguồn thu ngoại tệ như du lịch, vận tải, lao động, bảo hiểm, thanh toán và tín dụng.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: Biết sử dụng dữ liệu chính thống để nhận xét, không suy diễn. [Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: HS chọn một con số trong hồ sơ 2025, viết nhận xét 2 câu và ghi nguồn.

c) Sản phẩm học tập: Nhận xét đúng phạm vi, có nguồn, không dùng từ tuyệt đối.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Đọc và nhận xét dữ liệu theo khung; viết đoạn ngắn có căn cứ; phân biệt dữ kiện - nhận xét - giới hạn.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Mẫu: Năm 2025...; số liệu cho thấy... Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ còn cần xem....

Đáp án/gợi ý: Ví dụ chọn vốn FDI thực hiện:

Câu 1: Năm 2025, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt **27,62 tỉ USD**, tăng **9,0%**, cho thấy dòng vốn FDI thực hiện tiếp tục tăng.

Câu 2: Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ hiệu quả của FDI còn cần xem chất lượng dự án, mức độ chuyển giao công nghệ, việc làm và tác động môi trường.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

-HS viết 3 phút.

-Học sinh chọn một số liệu trong hồ sơ năm 2025; câu thứ nhất nêu đúng dữ kiện, thời gian và nguồn; câu thứ hai nhận xét trong phạm vi dữ liệu và chỉ ra ít nhất một thông tin cần bổ sung để đánh giá đầy đủ. Học sinh không chuyển từ một con số riêng lẻ thành kết luận tuyệt đối về toàn bộ quá trình hội nhập.

Tích hợp AI:

- Đối với điều kiện dùng điện thoại hoặc làm ở nhà: AI chỉ được dùng để gợi ý câu hỏi cần tìm hiểu hoặc từ khóa tra cứu; học sinh phải xác minh ví dụ bằng nguồn phù hợp và tự viết kết luận.

- Đối với điều kiện không dùng điện thoại: sử dụng hồ sơ tình huống địa phương do giáo viên chuẩn bị. [Mã năng lực AI: NLc]

Giáo viên: Lợi ích đến với chủ thể nào, thông qua cơ chế nào, có thể đo bằng dấu hiệu gì?

Câu hỏi: Điều kiện nào giúp một hoạt động kinh tế đối ngoại tạo thêm giá trị cho địa phương?

Gợi ý: liên kết sản xuất, sử dụng lao động, chuyển giao kĩ năng/công nghệ, bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật.

Câu hỏi: Địa phương nên ưu tiên tăng số lượng dự án hay chất lượng dự án hội nhập?

Gợi ý: cần cân bằng nhưng trọng tâm là chất lượng, hiệu quả, tính bền vững và lợi ích lâu dài.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Một HS đọc; lớp chỉ ra câu nào là dữ kiện, câu nào là nhận xét.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá khả năng nêu đúng dữ kiện, thời gian và nguồn; phân biệt dữ kiện với nhận xét; chỉ ra được giới hạn của số liệu. Giáo viên sửa lỗi suy diễn từ một số liệu riêng lẻ thành kết luận chung về hiệu quả hội nhập.

- Chốt kiến thức: Khi sử dụng số liệu kinh tế phải thực hiện theo trình tự dữ kiện - nhận xét - giới hạn. Quy mô thương mại, đầu tư hoặc dịch vụ lớn mới phản ánh một mặt của hội nhập; đánh giá chất lượng còn cần xem giá trị gia tăng, công nghệ, việc làm, môi trường, năng lực doanh nghiệp trong nước và việc thực hiện cam kết.

TIẾT 4. ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - TÌNH HUỐNG TỪ SGK (5 phút)

a) Mục tiêu: Nhận diện được mâu thuẫn giữa lợi ích trước mắt của cá nhân với lợi ích chung và uy tín quốc gia; xác định được vấn đề cần tìm hiểu để đánh giá hành vi có căn cứ.

b) Nội dung: HS đọc tình huống chủ tàu tháo thiết bị giám sát hành trình để khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài; nêu vấn đề cần đánh giá.

c) Sản phẩm học tập: Một nhận định ban đầu về phạm vi ảnh hưởng của hành vi và ít nhất hai căn cứ cần làm rõ trong bài học.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Phân tích tình huống; dự đoán ban đầu; tách sự kiện - nhận định - căn cứ.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chiếu tình huống SGK: Ông T là chủ một tàu cá đã tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình trên tàu, gửi sang tàu khác để đi khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài, tránh sự giám sát của các cơ quan chức năng.

GV yêu cầu HS đọc thầm, gạch dưới: hành vi; mục đích; đối tượng có thể bị ảnh hưởng.

GV nêu câu hỏi trung tâm: Việc làm này chỉ là vi phạm của một cá nhân hay còn ảnh hưởng đến hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước? Muốn đánh giá có căn cứ, chúng ta cần tìm hiểu những nội dung nào?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân 1 phút. HS suy nghĩ cá nhân, ghi nhanh vào giấy hai dòng: Nhận định ban đầu; Căn cứ cần tìm.

GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng các câu hỏi gợi mở: Hành vi của ông T có liên quan đến việc thực hiện cam kết quốc tế không? Nếu nhiều cá nhân cùng làm như vậy, ngành thủy sản và uy tín quốc gia có thể chịu tác động gì?

Học sinh tách tình huống thành ba phần: sự kiện đã xảy ra, nhận định ban đầu và thông tin cần kiểm tra. Mỗi học sinh viết một câu phán đoán tạm thời nhưng chưa kết luận đúng/sai khi chưa có căn cứ từ SGK và quy định liên quan.

Giáo viên nhắc tập trung vào hành vi, tác động và trách nhiệm thực hiện cam kết.

Câu hỏi: Việc né giám sát hoặc khai thác bất hợp pháp liên quan thế nào đến hiệu quả hội nhập?

Gợi ý: làm suy giảm khả năng thực hiện cam kết, ảnh hưởng nguồn lợi, hoạt động xuất khẩu và niềm tin của đối tác.

Câu hỏi: Một hành vi có thể mang lại lợi ích ngắn hạn cho cá nhân nhưng vẫn cần bị phê phán vì sao?

Gợi ý: vì gây thiệt hại cho lợi ích chung, người chấp hành đúng, môi trường, uy tín và cơ hội dài hạn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (2 phút):

GV mời 2 HS có quan điểm khác nhau trình bày ngắn: một ý kiến cho rằng đây chủ yếu là vi phạm cá nhân; một ý kiến cho rằng hành vi còn gây tác động ở phạm vi doanh nghiệp, ngành hàng và quốc gia.

HS cả lớp lắng nghe, bổ sung bằng một câu hỏi hoặc một căn cứ còn thiếu

Một hành vi có quy mô nhỏ có thể tạo ra hậu quả lớn trong hội nhập bằng cơ chế nào: tác động trực tiếp, hiệu ứng lan truyền hay suy giảm niềm tin?

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên nhận xét khả năng tách sự kiện, nhận định ban đầu và căn cứ cần kiểm tra; uốn nắn cách phán xét cảm tính, quy chụp cá nhân hoặc chỉ nhìn lợi ích trước mắt.

Giáo viên tuyên dương học sinh biết tập trung vào hành vi, tác động và trách nhiệm.

- **Chốt kiến thức:** Hành vi khai thác bất hợp pháp và né tránh giám sát không chỉ ảnh hưởng cá nhân mà còn có thể gây hại nguồn lợi, người làm ăn chân chính, hoạt động xuất khẩu, việc thực hiện cam kết và uy tín quốc gia. Muốn ủng hộ hoặc phê phán đúng cần dựa vào đường lối, chính sách và trách nhiệm công dân trong hội nhập.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Chuyển sang khai thác mục 3 SGK.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

a) **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung cơ bản của đường lối, chính sách; xác định trách nhiệm bản thân. [Mã năng lực số: 1.2.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

b) **Nội dung:**

Tích hợp quyền con người và tích hợp phòng chống tác hại của thuốc lá:

Các nhóm cố định khai thác mục 3 trong SGK, hoàn thành nhiệm vụ theo Phiếu học tập số 1: đường lối/chính sách - ý nghĩa - hành vi phù hợp hoặc không phù hợp - hậu quả - trách nhiệm; giải quyết tình huống IUU và tình huống gian lận xuất xứ. Đồng thời, học sinh liên hệ ngăn trách nhiệm quản lý hàng hóa nhằm bảo vệ quyền con người và phòng, chống tác hại của thuốc lá.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu/bảng trình bày của từng nhóm; câu trả lời có căn cứ SGK; lập luận đánh giá tình huống theo cấu trúc nhận định - căn cứ - hậu quả - giải pháp; ít nhất ba trách nhiệm cá nhân cụ thể. Sản phẩm có một ý liên hệ đúng trọng tâm về quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền tiếp cận thông tin và trách nhiệm phòng, chống tác hại của thuốc lá.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Phân tích tình huống - phản biện có hướng dẫn; thảo luận nhóm; sơ đồ nguyên nhân - kết quả; kiểm chứng thông tin và phản hồi AI.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm cố định, giao Phiếu học tập số 1 và quy định sản phẩm: mỗi nhóm phải chỉ ra căn cứ SGK, giải thích ý nghĩa, đánh giá hành vi và đề xuất trách nhiệm. Nhóm phân công người điều phối, thư kí, báo cáo viên và người phản biện. Nhóm 1 - đường lối hội nhập: Đọc Thông tin 1 và phần Kết nối tri thức; chọn các cụm từ thể hiện đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Giải thích: chủ động, tích cực khác với hội nhập bị động ở điểm nào? Vì sao đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế có thể góp phần nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế? Hội nhập toàn diện, sâu rộng có mâu thuẫn với yêu cầu giữ vững khả năng chống chịu và lợi ích quốc gia không? Vì sao? Nhóm 2 - Chính sách: Đọc Thông tin 1, Thông tin 2; lập bảng: Chính sách - vấn đề cần giải quyết - tác động mong đợi. Vì sao hoàn thiện thể chế và cải cách hành chính được xem là điều kiện quan trọng để thu hút đầu tư và thực hiện cam kết? Từ Thông tin 2, Việt Nam hướng đến thu hút đầu tư nước ngoài theo số lượng hay chất lượng? Chỉ ra dữ kiện làm căn cứ. Tại sao cần gia tăng liên kết tỉnh, vùng thay vì mỗi địa phương hội nhập riêng lẻ? Nhóm 3 - Tình huống ông T: Xác định hành vi, mục đích, chủ trương/chính sách liên quan và phạm vi hậu quả. Hành vi của ông T tác động như thế nào đến nguồn	Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Chủ động, tích cực hội nhập toàn diện, sâu rộng. Sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, - Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế. - Nâng cao khả năng chống chịu; nhiều hình thức, lộ trình linh hoạt, phù hợp. Một số chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính. - Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài. - Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện cho các địa phương chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế - Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
lợi, người làm ăn chân chính, hoạt động xuất khẩu và uy tín quốc gia? Đưa ra nhận định theo cấu trúc: phán đoán - căn cứ - hậu quả - việc cần làm. Nhóm 4 - Phản biện gian lận xuất xứ: Tình huống: Doanh nghiệp M nhập hàng hóa từ nước ngoài, thay đổi nhãn và hồ sơ để thể hiện là hàng có xuất xứ Việt Nam nhằm hưởng ưu đãi từ FTA. Đây có phải là cách tận dụng cơ hội hội nhập không? Vì sao? Hành vi ảnh hưởng thế nào đến doanh nghiệp chân chính, người tiêu dùng, đối tác và uy tín quốc gia? <i>Câu hỏi chung cho cả 4 nhóm: Từ nội dung nghiên cứu, học sinh cần làm gì để vừa tận dụng cơ hội, vừa góp phần bảo vệ lợi ích và uy tín quốc gia?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc, đánh dấu căn cứ, phân công người trình bày. GV hỗ trợ bằng sơ đồ nguyên nhân - hành vi - hậu quả - thái độ - hành động; nhắc không kết luận pháp lý vượt dữ kiện. Đáp án/gợi ý: Trách nhiệm HS: học tập, ngoại ngữ, kỹ năng số/kỹ năng nghề. Tìm hiểu và chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật; giữ gìn bản sắc; Trung thực, tôn trọng chuẩn mực Phản đối thông tin/hành vi sai; tiêu dùng có trách nhiệm. Học sinh lập sơ đồ ba tầng: đường lối/chính sách → hành vi của cơ quan, doanh nghiệp, công dân → kết quả hội nhập. Mỗi nhóm phải chỉ ra ít nhất một mối liên hệ nhân quả và một hành vi minh họa; thư kí ghi rõ căn cứ SGK. *Nhiệm vụ tích hợp số và AI: -Phương án dùng điện thoại: học sinh kiểm tra nguồn chính thống của một thông tin và yêu cầu AI đưa ra một lập luận phản biện; nhóm đánh giá lập luận đó theo ba tiêu chí đúng nội dung, có căn cứ, không thay thế quyết định của con người. -Phương án không dùng điện thoại: sử dụng bản phân hồi AI giả định và thẻ nguồn in sẵn. [Mã năng lực số: 1.2.NC1a; Mã năng lực AI: NLc] Giáo viên yêu cầu hoàn thành câu: Chính sách này chỉ phát huy hiệu quả khi.... Câu hỏi: Vì sao việc thực hiện cam kết quốc tế không	Trách nhiệm công dân/học sinh - Học tập, rèn ngoại ngữ, công nghệ, kỹ năng nghề và tác phong. - Tìm hiểu, chấp hành pháp luật và cam kết liên quan. - Giữ gìn bản sắc, tiếp thu có chọn lọc. - Ủng hộ hành vi đúng; phê phán gian lận, buôn lậu, khai thác bất hợp pháp, cản trở hội nhập.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
chỉ là trách nhiệm của Nhà nước? Gợi ý: doanh nghiệp và công dân trực tiếp thực hiện nhiều hành vi sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, khai thác và cung ứng dịch vụ. Câu hỏi: Làm thế nào để vừa chủ động, sâu rộng trong hội nhập vừa nâng cao khả năng chống chịu và giữ vững lợi ích quốc gia? Gợi ý: đa phương hóa, đa dạng hóa, nâng nội lực, hoàn thiện thể chế, lựa chọn lộ trình phù hợp và thực hiện cam kết hiệu quả. Liên hệ tích hợp quyền con người và phòng, chống tác hại của thuốc lá (ngắn, không tách thành nội dung kiến thức mới): Trong hội nhập, mở rộng thương mại không đồng nghĩa với việc mọi hàng hóa được lưu thông không điều kiện. Nhà nước quản lý hàng hóa, thông tin và hoạt động quảng cáo theo pháp luật nhằm bảo vệ quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền tiếp cận thông tin chính xác và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Câu hỏi tích hợp: Vì sao việc quản lý sản phẩm thuốc lá và thông tin quảng cáo liên quan đến quyền con người? Gợi ý: Việc quản lý và cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, quyền tiếp cận thông tin và quyền lợi người tiêu dùng. Học sinh có trách nhiệm không sử dụng, không cổ súy hoặc tiếp tay quảng bá sản phẩm thuốc lá; biết lựa chọn và chia sẻ thông tin chính thống. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Mỗi nhóm 2 phút. Câu hỏi: Ủng hộ hội nhập có đồng nghĩa ủng hộ mọi dự án đầu tư, mọi hàng hóa nhập khẩu không? Đáp án/gợi ý: Không. Ủng hộ chủ trương hội nhập phải gắn với pháp luật, hiệu quả, an ninh, môi trường, sức khỏe và lợi ích hợp pháp. Công dân có quyền góp ý, giám sát, phê phán vi phạm trên cơ sở thông tin chính xác. Hội nhập sâu rộng và giữ vững tính tự chủ, khả năng chống chịu là hai yêu cầu đối lập hay bổ sung cho nhau? <i>Là các yêu cầu bổ sung. Hội nhập mở rộng nguồn lực và thị trường; đa dạng hóa đối tác, nâng năng lực trong nước và quản trị rủi ro giúp giảm lệ thuộc, tăng khả năng chống chịu.</i>	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Tích hợp đạo đức: Vì sao gian lận xuất xứ có thể làm doanh nghiệp gian lận thu lợi trước mắt nhưng gây thiệt hại dài hạn cho cả nền kinh tế? <i>Dự kiến: Vì làm méo mó cạnh tranh, gây rủi ro mất ưu đãi, tăng kiểm tra, giảm niềm tin của đối tác, ảnh hưởng doanh nghiệp chân chính và uy tín quốc gia.</i> Một hành vi khai thác bất hợp pháp của cá nhân có liên quan thế nào đến việc thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế? <i>Dự kiến: Hiệu quả cam kết phụ thuộc vào việc chấp hành của cơ quan, doanh nghiệp và công dân; hành vi né giám sát làm suy giảm khả năng thực hiện cam kết và niềm tin của đối tác.</i> Công dân phê phán hành vi sai bằng cách nào để vừa có trách nhiệm vừa tôn trọng người khác? <i>Dự kiến: Tập trung vào hành vi, căn cứ và hậu quả; dùng thông tin chính xác; đề xuất cách điều chỉnh, không xúc phạm hoặc quy chụp cá nhân</i> Bước 4. Kết luận, nhận định: - Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá sản phẩm theo mức độ xác định đúng đường lối, chính sách, mối liên hệ nhân quả, căn cứ đánh giá hành vi và trách nhiệm cá nhân; sửa lỗi chép danh sách chính sách nhưng chưa giải thích ý nghĩa hoặc kết luận pháp lí vượt dữ kiện - Chốt kiến thức: Việt Nam chủ động, tích cực hội nhập toàn diện, sâu rộng; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; nâng cao khả năng chống chịu và thực hiện nhiều hình thức, lộ trình linh hoạt, phù hợp. Các chính sách trọng tâm gồm hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường thu hút đầu tư, tăng liên kết tỉnh - vùng và thực hiện hiệu quả cam kết quốc tế. Công dân cần học tập, rèn năng lực, chấp hành pháp luật, giữ gìn bản sắc, ủng hộ hành vi đúng và phê phán gian lận, khai thác bất hợp pháp bằng căn cứ và thái độ có trách nhiệm. Liên hệ: Hội nhập phải gắn với bảo vệ quyền con người; công dân không sử dụng, cổ súy hoặc tiếp tay quảng bá sản phẩm thuốc lá và có trách nhiệm bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Rèn năng lực ủng hộ/phê phán ở mức M2-M3.

b) **Nội dung:** HS lựa chọn một trong hai tình huống và viết đoạn 4 câu theo mẫu: nhận định - căn cứ - hậu quả - lời khuyên.

c) **Sản phẩm học tập:** Đoạn lập luận 4 câu, có căn cứ SGK.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Viết lập luận bốn câu; đánh giá đồng đẳng; sửa ngôn ngữ phê phán.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Tình huống A: doanh nghiệp thực hiện đúng xuất xứ, đầu tư công nghệ sạch để tận dụng FTA.

Tình huống B: doanh nghiệp làm giả xuất xứ để hưởng ưu đãi.

Đáp án/gợi ý: A cần ủng hộ vì chấp hành cam kết, nâng năng lực và uy tín. B cần phê phán vì gian lận, gây thiệt hại và ảnh hưởng doanh nghiệp chân chính/uy tín quốc gia.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết 4 phút; đổi bài kiểm tra xem có đủ 4 thành phần.

Học sinh viết từng câu theo đúng vai trò: câu 1 nêu thái độ; câu 2 nêu căn cứ; câu 3 phân tích hậu quả; câu 4 đề xuất cách điều chỉnh. Khi đổi bài, bạn học dùng bốn ô kiểm và gạch dưới từ ngữ có tính xúc phạm hoặc quy chụp để người viết sửa.

Giáo viên cung cấp mẫu diễn đạt: Hành vi... cần bị phê phán vì...; chủ thể cần....

Sự khác nhau giữa phê phán có trách nhiệm và công kích cá nhân là gì? Gợi ý: phê phán dựa trên hành vi, căn cứ, hậu quả và hướng khắc phục; công kích dùng định kiến, xúc phạm hoặc quy chụp.

Câu hỏi: Một doanh nghiệp tạo nhiều việc làm nhưng làm giả xuất xứ có nên được bỏ qua không? Gợi ý: không; lợi ích tạo việc làm không hợp thức hóa vi phạm, cần xử lý hành vi và bảo vệ doanh nghiệp chân chính.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

GV mời một bài A và một bài B; lớp dùng tiêu chí đúng - có căn cứ - có bài học.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá đoạn lập luận theo bốn thành phần: thái độ, căn cứ, hậu quả và cách điều chỉnh; sửa các câu phê phán con người, dùng lời xúc phạm hoặc nêu thái độ nhưng không có căn cứ.

- Chốt kiến thức: Cần ủng hộ những hành vi chấp hành chủ trương, chính sách, cam kết và nâng cao năng lực hội nhập; cần phê phán gian lận xuất xứ và các hành vi vi phạm. Phê phán có trách nhiệm phải tập trung vào hành vi, căn cứ, hậu quả và giải pháp điều chỉnh, không công kích cá nhân.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

KẾ HOẠCH NĂNG LỰC HỘI NHẬP CỦA TÔI (5 phút)

a) Mục tiêu: Tự đánh giá và xác định trách nhiệm phù hợp lứa tuổi.

b) Nội dung: HS lập kế hoạch 30 ngày theo ba cột: năng lực cần rèn - việc làm - mình chứng.

c) Sản phẩm học tập: Kế hoạch có 2-3 mục tiêu cụ thể, đo được, khả thi.

Phương pháp/kĩ thuật dạy học: Tự đánh giá; lập kế hoạch SMART; phản hồi cặp đôi.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cung cấp gợi ý nhưng không áp đặt: ngoại ngữ, kĩ năng số, tìm nguồn tin, giao tiếp, kỉ luật, hiểu văn hóa, tiêu dùng có trách nhiệm.

Đáp án/gợi ý: Ví dụ: Trong 30 ngày, học 15 từ vựng kinh tế/tuần; minh chứng bằng sổ từ và bài nói 2 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết mục tiêu đầu tiên tại lớp, hoàn thiện ở nhà.

Học sinh tự đánh giá điểm mạnh, điểm cần rèn; chọn tối đa ba mục tiêu theo nguyên tắc cụ thể, đo được, phù hợp, có thời hạn và minh chứng. Mỗi mục tiêu phải có lịch thực hiện, nguồn hỗ trợ và phương án khi gặp khó khăn.

Nhiệm vụ tích hợp số và AI:

- Phương án dùng điện thoại hoặc thực hiện ở nhà: học sinh dùng công cụ sổ theo dõi tiến độ và có thể yêu cầu AI đề xuất các bước nhỏ; học sinh tự lựa chọn, điều chỉnh và chịu trách nhiệm về kế hoạch cuối cùng.

- Phương án không dùng điện thoại: sử dụng bảng kế hoạch giấy và bộ gợi ý. [Mã năng lực số: 5.4.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

Mục tiêu dễ chung chung như học tốt ngoại ngữ. Giáo viên yêu cầu bổ sung số lượng, tần suất, thời hạn và minh chứng cụ thể.

Câu hỏi: Minh chứng nào cho thấy mục tiêu đã được thực hiện chứ không chỉ được viết ra?

Gợi ý: sản phẩm, nhật kí, số lần thực hành, bài nói, bài kiểm tra hoặc phản hồi có thời điểm rõ ràng.

Câu hỏi: Trong các năng lực ngoại ngữ, số, pháp luật, giao tiếp và kĩ luật, năng lực nào cần ưu tiên trước?

Gợi ý: tùy điểm xuất phát và mục tiêu cá nhân; học sinh phải giải thích bằng nhu cầu thực tế và khả năng tạo tác động.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Hai HS trao đổi kế hoạch, góp ý theo tiêu chí cụ thể - phù hợp - có minh chứng.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét kế hoạch theo các tiêu chí: mục tiêu cụ thể, đo được, phù hợp, có thời hạn, có minh chứng và phương án khắc phục khó khăn; hướng dẫn học sinh điều chỉnh những mục tiêu còn chung chung.

- **Chốt kiến thức:** Trách nhiệm của học sinh trong hội nhập bắt đầu từ việc tự đánh giá và rèn luyện ngoại ngữ, năng lực số, kĩ năng nghề, hiểu biết pháp luật, tác phong, kỉ luật, liêm chính và ý thức giữ gìn bản sắc. Kế hoạch chỉ có giá trị khi được thực hiện và chứng minh bằng hành động cụ thể.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Hoàn thiện kế hoạch ở nhà và chuẩn bị báo cáo trong tiết 5 theo rubric.

TIẾT 5. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP, VẬN DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU - TRÒ CHƠI HỆ THỐNG HÓA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (7 phút)

a) Mục tiêu: Hệ thống hóa được các mạch kiến thức của bài và phát hiện được nội dung còn nhầm lẫn.

b) Nội dung: Bốn đội bàn ghép 12 thẻ vào 5 nhóm: khái niệm/nguyên tắc; sự cần thiết; 3 cấp độ; 3 hoạt động; chính sách/trách nhiệm.

c) Sản phẩm học tập: Bảng ghép đúng; đội giải thích được một thẻ khó.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trò chơi ghép thẻ; phân vai; kiểm tra chéo theo tiêu chí.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Luật: mỗi đội nhận 12 thẻ; 4 phút phân loại; mỗi thẻ đúng 1 điểm; giải thích đúng thẻ do GV chỉ định thêm 2 điểm; không di chuyển, không dùng điện thoại.

Đáp án/gợi ý: Đáp án thẻ được nêu trong Phụ lục 2.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS phân vai người đọc, người xếp, người kiểm tra, người báo cáo.

Mỗi thành viên thực hiện đúng vai trò; người kiểm tra không chỉ đối chiếu đáp án mà yêu cầu người xếp giải thích tiêu chí. Đội chỉ được chốt thẻ khi có sự thống nhất và một câu lí do.

Học sinh dễ nhầm WTO với hoạt động thương mại và xuất khẩu với cấp độ. Giáo viên dùng hai câu hỏi phân biệt: Với ai/phạm vi nào? và Hoạt động kinh tế gì?

Câu hỏi: Vì sao cấp độ hội nhập và hoạt động kinh tế đối ngoại phải được đặt trong cùng một sơ đồ nhưng không được đồng nhất?

Gợi ý: cấp độ thể hiện phạm vi/chủ thể; hoạt động thể hiện phương thức kinh tế diễn ra.

Câu hỏi: Đường lối, chính sách và trách nhiệm công dân có vai trò gì đối với hai trục trên?

Gợi ý: tạo định hướng, khuôn khổ và điều kiện để các cấp độ, hoạt động hội nhập mang lại hiệu quả và hạn chế rủi ro.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV kiểm tra chéo giữa các đội; hỏi một thẻ dễ nhầm: WTO là cấp độ toàn cầu, còn xuất khẩu là hoạt động thương mại quốc tế.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên nhận xét kết quả ghép thẻ, đánh giá khả năng phân biệt khái niệm, sự cần thiết, cấp độ, hoạt động, chính sách và trách nhiệm; sửa các lỗi đồng nhất WTO với thương mại hoặc xuất khẩu với cấp độ hội nhập.

- **Chốt kiến thức:** Bài học gồm năm mạch: khái niệm và nguyên tắc; sự cần thiết; các cấp độ; các hoạt động kinh tế đối ngoại; đường lối, chính sách và trách nhiệm. Cấp độ trả lời hội nhập với ai/phạm vi nào, còn hoạt động trả lời hội nhập được thực hiện bằng hoạt động kinh tế nào.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Chuyển sang luyện tập tổng hợp để kiểm tra mức độ đạt các yêu cầu cần đạt.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP (23 phút)

a) Mục tiêu: Đánh giá mức độ đạt đủ 05 YCCĐ qua câu hỏi nhận biết, thông hiểu và vận dụng. [Mã năng lực số: 1.2.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: HS làm phiếu 10 câu: 5 trắc nghiệm, 3 đúng/sai, 2 câu ngắn; sau đó giải thích phương án nhiều/tình huống.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu đáp án và lời giải thích; GV ghi nhận mức M1-M3.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Luyện tập cá nhân; phân tích phương án nhiều; nhật kí sửa lỗi; phản biện lời giải AI.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu, nêu thời gian 12 phút; HS phải gạch chân từ khóa và viết lí do cho câu 8-10. Không sử dụng tài liệu.

Đáp án/gợi ý: Đáp án đầy đủ tại Phụ lục 3.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm cá nhân; GV quan sát, hỗ trợ học sinh đọc chậm bằng cách nhắc xác định động từ và đối tượng câu hỏi.

Học sinh làm phiếu theo ba lượt: trả lời câu chắc chắn; đánh dấu câu phân vân; quay lại phân tích từ khóa, đối tượng và mức độ của câu hỏi. Sau khi chấm, mỗi học sinh lập phiếu sửa lỗi gồm lỗi kiến thức, nguyên nhân và cách khắc phục.

***Nhiệm vụ tích hợp số và AI:** Chỉ thực hiện sau khi học sinh đã tự làm bài.

- Phương án dùng điện thoại hoặc làm ở nhà: học sinh yêu cầu AI giải thích một phương án nhiều, sau đó kiểm chứng với SGK và ghi điểm đúng/sai của lời giải AI.

- Phương án không dùng điện thoại: giáo viên phát một lời giải AI giả định để học sinh phản biện. [Mã năng lực số: 1.2.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

Học sinh đọc chậm hoặc bị nhiễu bởi từ tuyệt đối. Giáo viên hướng dẫn khoanh động từ YCCĐ, chủ thể và các từ chỉ, đủ, mọi, hoàn toàn.

Câu hỏi: Vì sao số liệu xuất khẩu tăng chưa đủ chứng minh hội nhập thành công toàn diện?

Gợi ý: cần đánh giá thêm chất lượng, giá trị gia tăng, công nghệ, việc làm, môi trường, doanh nghiệp trong nước, phân bổ lợi ích và tuân thủ.

Câu hỏi: Nếu được thiết kế một bộ chỉ báo đánh giá chất lượng hội nhập, học sinh sẽ chọn ba chỉ báo nào và vì sao?

Gợi ý: lựa chọn phải phản ánh đồng thời hiệu quả kinh tế, năng lực nội sinh và tính bền vững/công bằng.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS đổi phiếu chấm; GV chọn câu có tỉ lệ sai cao để yêu cầu giải thích.

Câu phát: Một số liệu xuất khẩu tăng có đủ chứng minh hội nhập hiệu quả toàn diện không?

Đáp án/gợi ý: Không đủ; cần thêm chỉ tiêu giá trị gia tăng, cơ cấu doanh nghiệp, chất lượng việc làm, công nghệ, môi trường, mức độ thực hiện cam kết và phân bổ lợi ích.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên nhận xét kết quả hoạt động học tập của hs

Giáo viên sửa các lỗi điển hình và hướng dẫn học sinh hoàn thiện phiếu sửa lỗi.

- **Chốt kiến thức:** Học sinh đạt yêu cầu của bài khi nêu đúng khái niệm; giải thích được sự cần thiết; liệt kê và phân biệt được các hình thức hội nhập; xác định được trách nhiệm bản thân; biết ủng hộ hành vi chấp hành và phê phán hành vi không chấp hành bằng lập luận có căn cứ.

HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG - BÁO CÁO KẾ HOẠCH CÁ NHÂN (10 phút)

a) Mục tiêu: Thể hiện trách nhiệm bản thân và khả năng góp ý xây dựng. [Mã năng lực số: 3.1.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

b) Nội dung: 2-3 HS trình bày kế hoạch 30 ngày; lớp phản hồi theo 2 điểm phù hợp - 1 điều chỉnh.

c) Sản phẩm học tập: Kế hoạch đạt rubric và một cam kết thực hiện.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Trình bày ngắn; phản hồi 2 điểm phù hợp - 1 điều chỉnh; đánh giá theo rubric.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Mỗi HS trình bày tối đa 90 giây: mục tiêu - việc làm - minh chứng - khó khăn dự kiến. Người nghe ghi 2 điểm phù hợp và 1 góp ý cụ thể.

Đáp án/gợi ý: Một kế hoạch tốt phải gắn với năng lực hội nhập, có thời hạn, có minh chứng và khả thi.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày; GV bấm giờ, không để phần này kéo dài.

Người trình bày nêu mục tiêu, hành động, minh chứng và khó khăn dự kiến; người nghe ghi phản hồi dựa trên rubric, không góp ý chung chung. Sau phản hồi, chủ kế hoạch phải xác định một điều giữ nguyên và một điều sẽ điều chỉnh.

*** Nhiệm vụ tích hợp số và AI:** Học sinh có thể trình bày bằng một trang số/infographic và dùng AI để gợi ý cách diễn đạt ngắn gọn; mọi số liệu, mục tiêu và quyết định điều chỉnh phải do học sinh xác nhận.

Phương án không dùng điện thoại: trình bày trên phiếu hoặc giấy A4. [Mã năng lực số: 3.1.NC1a; Mã năng lực AI: NLc]

Phản hồi dễ thiên về hình thức hoặc khen chung. Giáo viên yêu cầu mỗi góp ý phải dẫn một tiêu chí và chỉ ra chi tiết cụ thể trong kế hoạch.

Câu hỏi: Điểm nào giúp phân biệt kế hoạch có tính khả thi với một danh sách mong muốn?

Gợi ý: mục tiêu vừa sức, thời gian rõ, hành động cụ thể, nguồn lực phù hợp, minh chứng và phương án vượt khó.

Câu hỏi: Nếu không hoàn thành một tuần trong kế hoạch 30 ngày, nên bỏ mục tiêu hay điều chỉnh thế nào?

Gợi ý: phân tích nguyên nhân, điều chỉnh khối lượng/ lịch, giữ mục tiêu cốt lõi và tiếp tục theo dõi bằng minh chứng.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV chọn một kế hoạch ở mức đạt và một kế hoạch tốt để lớp so sánh theo rubric.

Đáp án/gợi ý: Mức tốt: tự xác định trách nhiệm, có chỉ số đo, dự kiến khó khăn và cách khắc phục; có thể hướng dẫn bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét, đánh giá: Giáo viên đánh giá kế hoạch và phần trình bày theo rubric: gắn đúng năng lực hội nhập, mục tiêu khả thi, hành động cụ thể, minh chứng rõ, dự kiến khó khăn và biết tiếp thu phản hồi; nhắc học sinh không chạy theo hình thức hoặc chứng chỉ.

- Chốt kiến thức: Trách nhiệm hội nhập là sự kết hợp giữa năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ, kỉ luật, liêm chính, hiểu biết pháp luật, khả năng hợp tác và gìn giữ bản sắc. Mỗi học sinh cần chuyển trách nhiệm thành mục tiêu, việc làm và minh chứng cụ thể.

HOẠT ĐỘNG 4. KẾT THÚC (5 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh tự đánh giá mức độ đạt và xác định nội dung cần bổ sung.

b) Nội dung: HS tô một trong ba mức cho từng YCCĐ: chưa chắc - đạt - có thể giải thích/hướng dẫn bạn; viết một câu hỏi còn lại.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu tự đánh giá 05 YCCĐ.

Phương pháp/kỹ thuật dạy học: Tự đánh giá có minh chứng; phiếu ra khỏi lớp; xác định nhu cầu hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu 5 dòng theo YCCĐ; yêu cầu đánh giá trung thực, không dùng để cho điểm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành 2 phút.

Học sinh chỉ chọn mức sau khi nêu được một minh chứng: câu trả lời, sản phẩm, tình huống đã xử lý hoặc phần còn sai. Với nội dung chưa chắc, học sinh viết câu hỏi cụ thể thay vì ghi chung chưa hiểu.

Giáo viên nhấn mạnh mục đích của phiếu là xác định nhu cầu hỗ trợ, không dùng để xếp hạng.

Câu hỏi: Yêu cầu cần đạt nào học sinh còn yếu nhất và minh chứng nào cho nhận định đó? Gợi ý: đối chiếu trực tiếp với kết quả phiếu, phần giải thích và sản phẩm vận dụng.

Câu hỏi phát triển tư duy: Cách học nào trong bài có thể chuyển sang chủ đề kinh tế hoặc pháp luật khác?

Gợi ý: tìm nguồn chính thống, đọc dữ liệu, phân loại theo tiêu chí, kiểm chứng AI, lập luận có căn cứ và tự đánh giá.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV thu và chọn 2 câu hỏi điển hình để trả lời; các câu còn lại phản hồi ở tiết sau/nhóm học tập.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- **Nhận xét, đánh giá:** Giáo viên nhận xét mức độ tự đánh giá trung thực, căn cứ minh chứng và chất lượng câu hỏi còn lại; ghi nhận những nội dung học sinh còn chưa chắc để có biện pháp hỗ trợ tiếp theo.

- **Chốt kiến thức:** Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết có nguyên tắc, tất yếu đối với mọi quốc gia; được thực hiện ở nhiều cấp độ và qua nhiều hoạt động kinh tế đối ngoại. Hiệu quả hội nhập phụ thuộc vào đường lối, chính sách, năng lực thực hiện và trách nhiệm trung thực, chủ động của mỗi công dân.

- **Chuyển tiếp/giao nhiệm vụ:** Học sinh tiếp tục thực hiện kế hoạch 30 ngày và lưu giữ minh chứng để tự đánh giá tiến bộ.

IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY, GIAO NHIỆM VỤ BÀI MỚI

.....
.....

V. PHIẾU HỌC TẬP / PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU KHAI THÁC CLIP VTV

Tên clip: Hội nhập tạo động lực cho phát triển kinh tế. Thời lượng sử dụng trên lớp: khoảng 2 phút 30 giây (đoạn do giáo viên chọn sau khi xem trước).

Liên kết: [Mở video trên VTV](#)

Bằng chứng quan sát được	Thuộc nội dung nào của bài	Lợi ích/ý nghĩa	Câu hỏi cần tìm hiểu
.....			
.....			
.....			
.....			

Đáp án/gợi ý khai thác

- Dấu hiệu: quy mô thương mại lớn; thu hút FDI; tham gia nhiều quan hệ/hiệp định; doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng; đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
- Lợi ích: thị trường, vốn, công nghệ, quản lý, việc làm, thu nhập, vị thế.
- Câu hỏi trung tâm: hội nhập là gì; vì sao cần thiết; diễn ra ở cấp độ và hoạt động nào; Việt Nam có chính sách gì; công dân cần làm gì.

PHỤ LỤC 2. BỘ THẺ TRÒ CHƠI VÀ ĐÁP ÁN

A. Trò chơi Tiết 3 - Phân loại hoạt động kinh tế đối ngoại

THẺ	ĐÁP ÁN
Xuất khẩu gạo	Thương mại quốc tế
Nhập khẩu máy móc	Thương mại quốc tế
Nhập khẩu dịch vụ phần mềm	Thương mại quốc tế
Doanh nghiệp nước ngoài xây nhà máy tại Việt Nam	Đầu tư quốc tế
Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư dự án ở nước ngoài	Đầu tư quốc tế
Khách quốc tế đến Việt Nam	Dịch vụ thu ngoại tệ
Vận tải quốc tế	Dịch vụ thu ngoại tệ
Lao động Việt Nam làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Dịch vụ thu ngoại tệ
Thanh toán quốc tế	Dịch vụ thu ngoại tệ

B. Trò chơi Tiết 5 - Hệ thống hóa

- Gắn kết nền kinh tế - Khái niệm
- Chia sẻ lợi ích - Nguyên tắc
- Tuân thủ chuẩn mực chung - Nguyên tắc
- Mở rộng thị trường - Sự cần thiết
- Tiếp cận vốn/công nghệ - Sự cần thiết

- Song phương - Cấp độ
- Khu vực - Cấp độ
- Toàn cầu - Cấp độ
- Xuất nhập khẩu - Thương mại quốc tế
- FDI - Đầu tư quốc tế
- Du lịch quốc tế - Dịch vụ thu ngoại tệ
- Gian lận xuất xứ - Hành vi cần phê phán

PHỤ LỤC 3. PHIẾU LUYỆN TẬP TỔNG HỢP 10 CÂU

Câu 1. Nội dung nào phản ánh đầy đủ nhất khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Gắn kết kinh tế với quốc gia khác dựa trên chia sẻ lợi ích và tuân thủ chuẩn mực quốc tế chung.
- B. Mở cửa hoàn toàn thị trường trong nước.
- C. Chỉ tăng xuất khẩu hàng hóa.
- D. Chỉ tham gia một tổ chức quốc tế.

Đáp án/gợi ý: Đáp án A.

Câu 2. Lí do nào giải thích đúng sự cần thiết của hội nhập đối với mọi quốc gia?

- A. Mọi quốc gia đều thiếu toàn bộ nguồn lực.
- B. Phân công lao động và toàn cầu hóa làm các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau, cần hợp tác khai thác lợi thế và nguồn lực.
- C. Hội nhập loại bỏ mọi rủi ro.
- D. Hội nhập chỉ cần cho nước nghèo.

Đáp án/gợi ý: Đáp án B.

Câu 3. Việt Nam tham gia WTO thuộc cấp độ nào?

- A. Song phương. B. Khu vực. C. Toàn cầu. D. Nội địa.

Đáp án/gợi ý: Đáp án C.

Câu 4. Hoạt động nào thuộc đầu tư quốc tế?

- A. Xuất khẩu cà phê. B. Doanh nghiệp nước ngoài đầu tư nhà máy tại Việt Nam. C. Khách quốc tế du lịch. D. Vận tải quốc tế.

Đáp án/gợi ý: Đáp án B.

Câu 5. Dịch vụ nào có thể tạo nguồn thu ngoại tệ?

- A. Du lịch quốc tế. B. Chỉ bán hàng trong xã. C. Tự sản tự tiêu. D. Trao đổi hàng trong gia đình.

Đáp án/gợi ý: Đáp án A.

Câu 6. Đúng/Sai: Hội nhập kinh tế quốc tế đồng nghĩa với mở cửa vô điều kiện cho mọi hàng hóa và dòng vốn.

Đáp án/gợi ý: Sai. Hội nhập theo cam kết, lộ trình, pháp luật và chuẩn mực; Nhà nước quản lý để bảo vệ lợi ích hợp pháp, an ninh, môi trường, sức khỏe.

Câu 7. Đúng/Sai: Một quốc gia có thể tham gia đồng thời hội nhập song phương, khu vực và toàn cầu.

Đáp án/gợi ý: Đúng. Các cấp độ bổ sung cho nhau, giúp đa dạng hóa đối tác và khai thác lợi ích khác nhau.

Câu 8. Đúng/Sai: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng là đủ để kết luận chất lượng hội nhập đã cao toàn diện.

Đáp án/gợi ý: Sai. Cần xem thêm giá trị gia tăng, năng lực doanh nghiệp trong nước, công nghệ, việc làm, môi trường, mức độ tuân thủ và phân bổ lợi ích.

Câu 9. Tình huống: Doanh nghiệp làm giả xuất xứ để hưởng ưu đãi FTA. Em ủng hộ hay phê phán? Nêu hai lí do.

Đáp án/gợi ý: Phê phán. Hành vi không chấp hành pháp luật/cam kết, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, ảnh hưởng doanh nghiệp chân chính và uy tín quốc gia.

Câu 10. Nêu hai việc học sinh có thể thực hiện trong 30 ngày để nâng cao năng lực hội nhập.

Đáp án/gợi ý: Ví dụ: rèn ngoại ngữ/kĩ năng số theo mục tiêu đo được; luyện tìm và trích dẫn nguồn chính thống; rèn kỉ luật, giao tiếp, hiểu văn hóa; tuyên truyền/chấp hành pháp luật phù hợp lứa tuổi.

PHỤ LỤC 4.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH NĂNG LỰC HỘI NHẬP CỦA TÔI

Tiêu chí	3 điểm	2 điểm	1 điểm	0 điểm
Đúng định hướng	Gắn rõ với năng lực/trách nhiệm hội nhập	Có liên quan nhưng còn chung	Liên hệ mờ nhạt	Không liên quan
Cụ thể, đo được	Có thời hạn, số lượng/tần suất, minh chứng	Có thời hạn hoặc minh chứng	Mục tiêu chung chung	Không có mục tiêu
Khả thi	Phù hợp điều kiện, có cách vượt khó	Khá phù hợp	Khó thực hiện	Không khả thi
Trách nhiệm, liên chính	Thể hiện tuân thủ pháp luật, trung thực, tôn trọng bản sắc	Có đề cập một nội dung	Nêu rất chung	Không thể hiện
Trình bày/phản hồi	Rõ, đúng thời gian; góp ý có căn cứ	Khá rõ	Dài/thiếu căn cứ	Không hoàn thành

Xếp mức: 13-15 điểm: tốt (tương đương M3); 9-12 điểm: đạt khá (M2); 5-8 điểm: đạt tốt thiểu (M1); dưới 5 điểm: cần hỗ trợ bổ sung.

PHỤ LỤC 5. NGUỒN HỌC LIỆU VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

Nguồn 1 - SGK: Bài 2. Hội nhập kinh tế quốc tế, GDKT&PL 12.

Nguồn 2 - VTV: [Hội nhập tạo động lực cho phát triển kinh tế.](#)

Nguồn 3 - Cục Thống kê: [Một số nét chính tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025.](#)

Nguồn 4 - VTV hỗ trợ: [Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế.](#)

- GV kiểm tra lại đường dẫn và nội dung clip trước ngày dạy; chuẩn bị phương án ảnh chụp màn hình/phiếu chữ khi mạng yếu.
- Không giao học sinh tự tìm clip bằng từ khóa chung trong giờ vì dễ gặp nguồn cá nhân, quảng cáo hoặc nội dung không phù hợp.
- Không yêu cầu ghi nhớ số liệu; dùng số liệu để rèn đọc hiểu, nhận xét và lập luận.
- Mọi kết luận mở rộng phải phân biệt rõ: kiến thức SGK - dữ liệu minh họa - nhận xét của học sinh.

PHỤ LỤC 6. MA TRẬN TÍCH HỢP NĂNG LỰC SỐ VÀ AI

Nguyên tắc sử dụng: tối đa 02 hoạt động/tiết cho từng loại tích hợp; mã hóa chỉ được ghi ở hoạt động có nhiệm vụ và sản phẩm quan sát được; AI là công cụ hỗ trợ, học sinh chịu trách nhiệm về kết luận cuối cùng.

Địa chỉ tích hợp	Mã NLS	Mã AI	Nhiệm vụ/sản phẩm và phương án thay thế
Tiết 1 - HĐ1	1.2.NC1a	-	Kiểm tra độ tin cậy của nguồn clip; dùng QR hoặc thẻ nguồn in.
Tiết 1 - HĐ2	1.1.NC1b	NLc	Đặt câu hỏi cho AI để tóm tắt; đối chiếu khái niệm, nguyên tắc và sự cần thiết với SGK.
Tiết 1 - HĐ4	-	NLc	AI gợi ý yêu cầu/tiêu chuẩn của sản phẩm; học sinh kiểm chứng và tự viết kết luận.
Tiết 2 - HĐ2	1.1.NC1b	NLc	Tìm ví dụ chính thống; AI hỗ trợ so sánh ba cấp độ, nhóm phát hiện và sửa lỗi.
Tiết 2 - HĐ4	2.2.NC1c	NLc	Hoàn thiện bản đồ ba vòng có ghi nguồn; AI chỉ gợi ý ví dụ.
Tiết 3 - HĐ1	1.2.NC1a	-	Đọc và kiểm tra nguồn, đơn vị, thời gian của dữ liệu chính thức.
Tiết 3 - HĐ2	1.3.NC1a	NLc	Tổ chức dữ liệu vào bảng; kiểm chứng bản tóm tắt AI với SGK.
Tiết 3 - HĐ4	-	NLc	AI gợi ý từ khóa cho trường hợp địa phương; học sinh xác minh nguồn.
Tiết 4 - HĐ2	1.2.NC1a	NLc	Kiểm tra nguồn; đánh giá một lập luận phản biện do AI tạo.
Tiết 4 - HĐ4	5.4.NC1a	NLc	Tự xác định năng lực số cần cải thiện; AI đề xuất bước nhỏ, học sinh quyết định kế hoạch.
Tiết 5 - HĐ2	1.2.NC1a	NLc	Sau khi tự làm bài, phản biện lời giải AI và lập phiếu sửa lỗi.
Tiết 5 - HĐ3	3.1.NC1a	NLc	Tạo/chỉnh sửa một trang trình bày; AI hỗ trợ

Địa chỉ tích hợp	Mã NLS	Mã AI	Nhiệm vụ/sản phẩm và phương án thay thế
			điển đạt, không thay đổi mục tiêu và minh chứng.

PHỤ LỤC 7. PHIẾU KIỂM CHỨNG THÔNG TIN DO AI CUNG CẤP

Họ và tên:..... Lớp:.....

Hoạt động:.....

1. Nhiệm vụ/câu hỏi đặt cho AI	
2. Từ khóa và điều kiện đã nêu trong câu hỏi	
3. Tóm tắt câu trả lời của AI	
4. Căn cứ kiểm chứng từ SGK/nguồn chính thống	
5. Nội dung đúng, nội dung thiếu hoặc sai/thiên lệch	
6. Câu trả lời đã chỉnh sửa bằng lập luận của học sinh	
7. Ghi nhận việc sử dụng AI và nguồn tham khảo	

PHỤ LỤC 8. RUBRIC ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ TÍCH HỢP SỐ VÀ AI

Tiêu chí	Mức 3	Mức 2	Mức 1	Chưa đạt
Đúng nội dung/YCCĐ	Chính xác, bám SGK; lập luận chặt chẽ	Cơ bản đúng, còn thiếu ý nhỏ	Có ý đúng nhưng nhầm/thiếu đáng kể	Sai trọng tâm hoặc sao chép
Nguồn và kiểm chứng	Nguồn chính thống; kiểm chứng rõ từng ý	Có nguồn và kiểm chứng phần chính	Nguồn chưa rõ hoặc kiểm chứng hình thức	Không có nguồn/không kiểm chứng
Sử dụng công cụ số/AI	Dùng đúng mục đích; phát hiện, sửa được lỗi AI	Dùng phù hợp; có chỉnh sửa	Phụ thuộc công cụ, chỉnh sửa ít	Để công cụ làm thay hoặc gian lận
Trung thực, an toàn	Ghi nhận AI/nguồn; không chia sẻ dữ liệu cá nhân	Cơ bản tuân thủ	Còn thiếu ghi nguồn hoặc lưu ý an toàn	Vi phạm bản quyền, dữ liệu hoặc trung thực
Sản phẩm và phản hồi	Rõ, sáng tạo, có minh chứng; phản hồi có căn cứ	Rõ, đủ yêu cầu	Sản phẩm còn chung; phản hồi ít căn cứ	Không hoàn thành/không phản hồi